

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP BẢN SAO CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
NĂM 2026**

(Cập nhật đến 16g30 ngày 18/6/2026)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1	79105279	Đặng Phạm Thanh An	22/11/2008	7	
2	79010948	Đặng Thái An	06/08/2008	8.5	1560
3	79049509	Đào Quỳnh An	19/05/2008	6.5	
4	79049510	Đoàn Bảo An	05/01/2008	7	
5	56018706	Đồng Hoàng An	13/03/2008	7	
6	75043054	Hồ Xuân An	27/04/2008	7	
7	66022344	Khúc Ngọc Hoài An	26/04/2008	6	
8	79005021	Lê Hoàng Duy An	06/07/2008	7.5	
9	79005025	Lê Trần Minh An	10/04/2008	7.5	1490
10	79105285	Nguyễn La Bảo An	19/10/2008	6	
11	79006576	Nguyễn Lê Khánh An	07/10/2008	6.5	
12	86029262	Nguyễn Lê Kiều An	12/01/2008	6	
13	79005027	Nguyễn Minh An	23/01/2008	7	
14	92013474	Nguyễn My An	10/01/2008	7.5	
15	92013475	Nguyễn Mỹ An	10/01/2008	8	
16	79051402	Nguyễn Thị Diễm An	16/10/2008	7	
17	79002825	Nguyễn Thị Mỹ An	01/02/2008	7.5	
18	51007024	Nguyễn Trần Ngọc An	09/12/2008	7	
19	24024307	Nguyễn Trường An	14/11/2008	6.5	
20	48011331	Nguyễn Việt Nam An	18/12/2008	7.5	
21	91028702	Phạm Gia An	24/06/2008	6	
22	52000005	Phan Gia An	10/08/2008	7.5	
23	79061913	Phan Ngọc Khánh An	18/09/2008	6.5	
24	79010359	Trần Ngọc Thiên An	12/12/2008	6	
25	79076518	Đặng Thiên Ân	29/08/2008	6	
26	79033157	Huỳnh Nguyễn Hồng Ân	25/04/2008	6.5	
27	48011356	Lê Thy Ân	25/10/2008	6	
28	79005086	Ngô Minh Ân	21/01/2008	6.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
29	79108180	Nguyễn Hoàng Phúc Ân	17/09/2008	7	
30	79061949	Phạm Thiên Ân	20/07/2008	6.5	
31	79016202	Thuyền Tuấn Ân	15/07/2008	7	
32	79005038	Đặng Nguyễn Phương Anh	04/11/2008	6.5	
33	68001761	Đào Hà Anh	30/10/2008	6	
34	79097835	Đào Hà Anh	19/06/2008	7	
35	56006967	Đỗ Châu Ngọc Anh	09/10/2008	6.5	
36	79047621	Đỗ Thị Vân Anh	04/10/2008	6	
37	79070070	Hán Nguyễn Duy Anh	19/04/2008	6.5	
38	79015151	Hoàng Mai Anh	24/02/2008	7.5	1410
39	79010955	Hoàng Quốc Anh	11/09/2008	7.5	1520
40	79087714	Huỳnh Anh	28/10/2008	6	
41	79010957	Huỳnh Trâm Anh	05/09/2008	6.5	
42	79020775	Huỳnh Tú Anh	05/04/2008	7.5	
43	79010958	Kim Huỳnh Ngân Anh	03/11/2008	8	1500
44	79048824	Lại Trí Quốc Anh	15/12/2008	7.5	
45	79010959	Lâm Khải Minh Anh	29/05/2008	7.5	1410
46	79061918	Lê Huyền Anh	07/09/2008	6.5	
47	79016185	Lê Kỳ Anh	15/02/2008	6	
48	79010960	Lê Lan Anh	08/04/2008	7	
49	79125700	Lê Minh Anh	28/08/2008	8	
50	82031859	Lê Ngọc Phương Anh	03/12/2008	7.5	
51	79049540	Lê Nguyễn Châu Anh	07/03/2008	8	1460
52	79061919	Lê Nguyễn Vân Anh	01/06/2008	6.5	
53	79036100	Lê Phạm Phương Anh	08/04/2008	6	
54	75000021	Lê Quỳnh Anh	07/01/2008	7	
55	79036733	Lê Quỳnh Anh	03/10/2007	6.5	
56	79061920	Lê Quỳnh Anh	03/02/2008	7	
57	86015151	Lê Thế Anh	01/05/2008	8	
58	79033141	Lê Thùy Minh Anh	31/10/2008	6.5	1400
59	79010965	Lê Tuấn Anh	23/06/2008	8	1440
60	79053453	Lê Tuấn Anh	17/10/2008	6.5	
61	79049543	Lương Hoàng Anh	23/08/2008	7.5	
62	68024672	Lương Quỳnh Anh	01/02/2008	6	
63	79010968	Lý Công Anh	04/08/2008	7.5	1460

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
64	79010969	Lý Hoàng Anh	27/01/2008	7.5	1390
65	79002840	Nguyễn Bảo Thùy Anh	01/09/2008	6	
66	79058662	Nguyễn Châu Anh	02/09/2008	6.5	1350
67	79060925	Nguyễn Cửu Quỳnh Anh	23/01/2008	7.5	
68	79005045	Nguyễn Đỗ Phương Anh	13/05/2008	6.5	
69	79010974	Nguyễn Duy Anh	31/10/2008	7	
70	79049545	Nguyễn Hồ Mai Anh	12/11/2008	6	
71	79010975	Nguyễn Hoàng Anh	26/12/2008	7	
72	79010984	Nguyễn Ngọc Minh Anh	13/10/2008	7.5	
73	79033148	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	16/06/2008	6	
74	52023707	Nguyễn Ngọc Trang Anh	03/11/2008	6	
75	86011481	Nguyễn Ngọc Vân Anh	24/11/2008	7	
76	79010988	Nguyễn Phan Tú Anh	23/03/2008	7.5	1410
77	79064364	Nguyễn Quang Hải Anh	25/07/2007	7	
78	79051431	Nguyễn Quỳnh Anh	30/04/2008	6	
79	79033149	Nguyễn Thái Minh Anh	11/05/2008	6.5	
80	79061337	Nguyễn Thái Trâm Anh	28/02/2007	6.5	
81	79039878	Nguyễn Thị Kim Anh	18/07/2007	6.5	
82	79049579	Nguyễn Thị Xuân Anh	01/02/2008	6	
83	79058670	Nguyễn Tiến Anh	02/01/2008	6.5	
84	75000034	Nguyễn Trần Minh Anh	26/05/2008	7	
85	86015162	Nguyễn Trần Minh Anh	06/06/2008	6	
86	79061338	Nguyễn Trần Nhật Anh	10/07/2008	6.5	
87	79010993	Nguyễn Tường Anh	27/11/2008	7	
88	79020783	Nhan Hồng Anh	28/03/2008	7.5	
89	56018043	Phạm Hà Anh	26/03/2008	7	
90	79108172	Phạm Hồng Anh	01/02/2008	6	
91	79010994	Phạm Huy Anh	02/06/2008	6.5	1430
92	79125734	Phạm Nguyễn Mai Anh	02/03/2008	6	
93	79108173	Phạm Phúc Anh	20/04/2008	6.5	
94	79016194	Phạm Phương Anh	04/10/2008	7	
95	79005067	Phạm Thị Minh Anh	31/08/2008	7.5	1430
96	79105335	Phạm Tuấn Anh	27/01/2008	6	
97	79049566	Phạm Vũ Minh Anh	28/11/2008	6	
98	79105336	Phan Minh Anh	14/01/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
99	79108175	Phùng Tuấn Anh	08/10/2008	6	
100	79010995	Tạ Đức Anh	06/04/2008	6.5	
101	79061940	Tạ Ngọc Minh Anh	30/06/2008	6.5	
102	79033154	Thái Lâm Trâm Anh	23/11/2008	7.5	
103	79000050	Thân Ngọc Minh Anh	28/03/2008	6	
104	79049568	Tôn Trần Trâm Anh	21/04/2008	6.5	
105	79005075	Trần Hoàng Anh	26/08/2008	7.5	
106	48005333	Trần Lê Hải Anh	25/12/2008	6	
107	79061941	Trần Lưu Phúc Anh	04/11/2008	6	
108	92010025	Trần Nam Anh	23/05/2007	6	
109	79036743	Trần Ngọc Anh	07/12/2007	7	
110	86029282	Trần Ngọc Trâm Anh	19/02/2008	7	
111	79105342	Trần Nguyễn Minh Anh	26/04/2008	8	1430
112	48014932	Trần Nguyễn Thục Anh	17/04/2008	7	
113	86015167	Trần Nguyễn Thùy Anh	19/09/2008	6.5	
114	79015615	Trần Nhật Phương Anh	10/03/2008	6	
115	22008763	Trần Phạm Thái Anh	09/01/2008	6	
116	79105344	Trần Quỳnh Anh	20/04/2008	6.5	
117	79087737	Trần Thị Kiều Anh	26/07/2008	6.5	
118	22005874	Trần Thị Phương Anh	09/01/2008	7.5	
119	82007455	Trần Tuấn Anh	04/10/2008	6	
120	48017158	Trần Văn Anh	17/04/2008	6	
121	79016200	Trương Bùi Quỳnh Anh	25/08/2008	6	
122	79058681	Trương Tùng Anh	12/12/2008	6.5	
123	79105398	Trương Việt Anh	05/06/2008	6	
124	79101502	Võ Lim Anh	02/05/2008	6.5	
125	92007832	Võ Minh Anh	14/12/2008	8	
126	86011490	Võ Ngọc Lan Anh	09/01/2008	6	
127	79049575	Vũ Đức Anh	26/05/2008	7	1440
128	79051442	Vũ Hà Nam Anh	22/07/2008	6	
129	66021652	Vũ Lê Bảo Anh	27/10/2008	6.5	
130	79051444	Vũ Ngọc Mai Anh	25/02/2008	7	
131	79061947	Vũ Nguyễn Thái Anh	09/12/2008	7	
132	79069020	Vũ Thị Quỳnh Anh	05/08/2008	6	
133	79032556	Lê Phan Hồng Ánh	04/07/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
134	79051451	Lê Xuân Ánh	16/09/2008	6	
135	82015705	Nguyễn Nguyệt Ánh	04/05/2008	6.5	
136	51011509	Nguyễn Phạm Mỹ Ánh	14/10/2007	6	
137	79105351	Phan Nhật Ánh	17/05/2008	7	
138	79011021	Nguyễn Bá Phương Bắc	09/12/2008	7.5	1530
139	79005088	Hoàng Gia Bách	17/09/2008	7	1400
140	79011009	Trần Duy Bách	28/04/2008	6	
141	79126619	Trần Hữu Bách	26/09/2008	6.5	
142	79105377	Lê Hải Bằng	18/05/2008	6.5	
143	79061950	Diệp Trịnh Nguyên Bảo	11/04/2008	6	
144	75015831	Dương Gia Bảo	27/12/2008	6	
145	79005091	Dương Gia Bảo	07/06/2008	6.5	
146	82034245	Huỳnh Ngọc Thiên Bảo	15/04/2008	6.5	
147	75000066	La Nguyễn Quốc Bảo	27/01/2008	6.5	
148	75025600	Lê Gia Bảo	17/03/2008	6.5	
149	86029298	Lê Hàn Chí Bảo	09/04/2008	7.5	
150	79105365	Lê Hữu Bảo	14/06/2008	6.5	
151	79011013	Nguyễn Gia Bảo	27/10/2008	8	1510
152	82029919	Nguyễn Hồ Gia Bảo	25/10/2008	6	
153	79058696	Nguyễn Hoàng Bảo	30/07/2008	7	
154	79020793	Nguyễn Kim Bảo	28/07/2008	6	
155	79105366	Nguyễn Lê Hữu Bảo	29/10/2008	7.5	
156	79011015	Nguyễn Phúc Gia Bảo	21/02/2008	7	1370
157	79116311	Nguyễn Phước Thiên Bảo	26/07/2008	7	1390
158	96000042	Nguyễn Thế Bảo	24/10/2008	6.5	
159	79011016	Nguyễn Tiến Bảo	25/06/2008	7	
160	79060333	Nguyễn Văn Năng Bảo	20/03/2008	7.5	
161	79105372	Phạm Hoàng Gia Bảo	06/04/2008	6.5	
162	79061956	Phạm Thiên Bảo	26/05/2008		1410
163	79016205	Tô Hoàng Gia Bảo	31/03/2008	6.5	
164	79061960	Trương Gia Bảo	21/05/2008	6.5	
165	79105376	Võ Khắc Bảo	10/04/2008	7.5	1400
166	79011022	Lưu Ngọc Bích	23/05/2008	6	
167	79002869	Nguyễn Ngọc Bích	31/01/2008	6.5	
168	79051465	Đặng Thái Bình	18/02/2008	7.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
169	79012593	Đỗ Hồ Khánh Bình	11/08/2008	6.5	
170	79011024	Đồng Tất Bình	08/02/2008	8	1530
171	79108188	Dương Võ Duy Bình	27/04/2008	6.5	
172	75000079	Nguyễn Thị Kim Bình	01/04/2008	7	1410
173	79102687	Nguyễn Thị Thanh Bình	27/11/2008	6	
174	79102688	Phạm Nguyễn Tuấn Bình	29/11/2008	7.5	
175	52000041	Trần Duy Bình	29/05/2008	6	
176	79088534	Trần Ngọc Gia Bình	22/04/2007	6.5	
177	79069040	Trần Thiện Bình	12/10/2008	8	1410
178	79020798	Trương Nguyễn Hòa Bình	19/06/2008	7.5	
179	79002870	Trương Phước Bình	23/10/2008	6	
180	79061962	Ngô Gia Bửu	13/12/2008	6.5	
181	79051469	Phạm Mai Hồng Cát	24/07/2008	7.5	
182	66030201	Phạm Ngọc Minh Chân	16/02/2008	7.5	
183	79011027	Lê Tinh Chấn	12/09/2008	6.5	
184	79033169	Ngô Minh Chánh	04/04/2008	7	
185	79011028	Bùi Minh Châu	20/06/2008	6.5	
186	86011510	Đoàn Bảo Châu	05/11/2008	6.5	1550
187	82007487	Hồ Nguyễn Bảo Châu	29/03/2008	7	
188	79108195	Huỳnh Ngọc Kim Châu	23/02/2008	6	
189	79000107	Lê Hoàng Bảo Châu	14/12/2008	7	
190	79058713	Lương Phan Bảo Châu	11/03/2008	7.5	1360
191	66032637	Nguyễn Huyền Bảo Châu	22/04/2008	6.5	
192	79016212	Nguyễn Lê Bảo Châu	05/05/2008	8	
193	79011032	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	05/08/2008	6	
194	79002878	Phạm Minh Châu	23/05/2008	7.5	1420
195	86029317	Tô Minh Châu	21/01/2008	6.5	
196	66030210	Trần Thị Diệu Châu	27/02/2008	6.5	1410
197	75021285	Võ Ngọc Hoàng Châu	15/12/2008	7	
198	51006287	Đoàn Ngân Chi	23/10/2008	6	
199	56018069	Nguyễn Vũ Uyên Chi	20/05/2008	6.5	
200	79058718	Phạm Ngọc Lan Chi	29/11/2008	6	
201	96012071	Phan Quỳnh Chi	19/09/2008	7	1360
202	79020803	Trần Ngọc Mai Chi	24/02/2008	7.5	
203	79011036	Trần Tiến Nguyên Chương	17/01/2008	7.5	1390

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
204	79002883	Nguyễn Song Chuyên	16/05/2008	6.5	
205	66030221	Nguyễn Mạnh Cường	20/11/2008	6.5	
206	79075962	Huỳnh Nhật Cường	21/07/2008	7	
207	79011037	Nguyễn Xuân Cường	03/02/2008	6.5	
208	68001829	Phạm Mạnh Cường	25/03/2008	7	
209	92022004	Trịnh Chí Cường	12/03/2008	6	
210	79016226	Lê Gia Đại	28/06/2008	7	
211	92022005	Trần Dũ Dân	14/07/2008	7	
212	79011039	Trần Ngọc Dân	02/06/2008	7	
213	44015442	Nguyễn Ngọc Khánh Đan	17/09/2008	6	
214	82027766	Nguyễn Ngọc Minh Đan	05/02/2008	7	
215	79051513	Nguyễn Trần Khánh Đan	22/10/2008	6.5	
216	79011055	Phạm Minh Đan	21/08/2008	7	1340
217	79033195	Tôn Quỳnh Linh Đan	01/01/2008	6	
218	52000589	Trần Nguyên Đan	02/09/2008	8	
219	75017998	Lê Hoàng Hải Đăng	18/11/2008	7.5	
220	68016410	Nguyễn Dương Hải Đăng	26/02/2008	6	
221	79105468	Nguyễn Lê Hải Đăng	28/08/2008	7	
222	79012680	Nguyễn Minh Đăng	29/04/2008	6	
223	91015935	Nguyễn Ngọc Nhã Đăng	17/11/2008	6	
224	96000072	Đỗ Phúc Danh	29/06/2008	6.5	
225	82027741	Dương Huỳnh Công Danh	25/09/2008	6	
226	79011038	Hà Hoàng Danh	15/01/2008	7	1410
227	66022511	Cao Xuân Tuấn Đạt	14/07/2008	6.5	
228	86029346	Lâm Mẫn Đạt	12/08/2008	8	1580
229	66022518	Lê Quốc Đạt	22/04/2008	6	
230	79002903	Nguyễn Hữu Khánh Đạt	22/10/2008	8	1450
231	79016231	Nguyễn Minh Đạt	07/04/2008	6	
232	79061991	Nguyễn Minh Đạt	21/05/2008	6.5	
233	79108222	Trần Phát Đạt	22/06/2008	6	
234	79002904	Trương Gia Đạt	29/07/2008	6.5	
235	66022525	Trương Quốc Đạt	17/03/2008	6	
236	79061995	Lưu Khoa Diễm	30/09/2008	6	
237	79011040	Trần Nguyễn Xuân Diên	10/08/2008	8.5	
238	79106267	Không Thị Bạch Diệp	25/07/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
239	38013154	Nguyễn Lê Ngọc Diệp	15/04/2008	6	
240	75025639	Nguyễn Minh Ngọc Diệp	22/10/2008	6	
241	79051487	Trương Ngọc Diệp	23/02/2008	6	
242	79015409	Hoàng Đình	27/02/2008	6.5	
243	79105471	Lê Nguyễn Hải Đoan	03/10/2008	6	
244	68000931	Phạm Nguyễn Minh Đoan	16/06/2008	6.5	
245	79049607	Chiêm Ngọc Khả Doanh	14/09/2008	6	
246	79011050	Huỳnh Khánh Dư	01/06/2008	7	1500
247	44006845	Bùi Minh Đức	05/03/2008	6	
248	79105474	Đỗ Hoàng Đức	14/11/2008	6.5	
249	48004624	Đoàn Phước Nguyên Đức	26/12/2008	6	
250	79000168	Huỳnh Đồng Minh Đức	21/12/2008	6.5	
251	79112970	Lê Minh Đức	05/09/2008	8	
252	79002910	Nguyễn La Minh Đức	05/05/2008	7.5	1470
253	01020494	Nguyễn Minh Đức	07/09/2008	7	
254	01028670	Nguyễn Minh Đức	22/12/2008	8	1440
255	79063066	Phan Minh Đức	14/05/2008	6	
256	79011042	Huỳnh Thị Thùy Dung	03/10/2008	7	
257	79011043	Nguyễn Hoàng Dung	18/07/2008	6.5	
258	86011533	Nguyễn Thị Phương Dung	21/11/2008	6.5	
259	01020463	Nguyễn Thùy Dung	26/03/2008	7.5	
260	79111274	Phạm Bùi Hoàng Dung	09/03/2008	7.5	
261	79011045	Trần Ánh Dung	11/12/2008	6	
262	48003642	Trần Ngọc Hạnh Dung	29/05/2008	6	
263	66033149	Trần Ngọc Phương Dung	19/10/2008	6.5	
264	79061403	Bùi Lê Tấn Dũng	09/07/2008	6.5	
265	82007504	Đặng Trí Dũng	24/08/2008	6.5	
266	79061975	Đinh Minh Dũng	17/02/2008	7	
267	79105415	Mạch Trí Dũng	18/11/2008	7	
268	51006306	Nguyễn Quang Dũng	17/07/2008	7.5	
269	80017336	Nguyễn Trần Minh Dũng	26/03/2008	7	
270	79105418	Nguyễn Trung Dũng	18/09/2008	7.5	
271	66021720	Phạm Nguyễn Quốc Dũng	15/11/2008	7	
272	79105423	Trần Trí Dũng	01/04/2008	7	
273	56008271	Trần Vũ Dũng	08/02/2008	7	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
274	79010439	Chu Trần Thiệu Dương	01/03/2008	7	
275	79001890	Huỳnh Ngọc Ánh Dương	22/11/2008	6.5	
276	79011052	Nguyễn Ánh Dương	19/09/2008	8	1340
277	01020477	Nguyễn Thùy Dương	05/03/2008		1530
278	79096499	Võ Lê Hoàng Dương	14/01/2008	6.5	
279	79051500	Bùi Nguyễn Nhật Duy	03/09/2008	7	
280	79011048	Đặng Vũ Bào Duy	13/10/2008	7	1400
281	91015906	Huỳnh Anh Duy	01/01/2008	7	
282	79002895	Nguyễn Công Duy	26/05/2008	6	
283	40004255	Nguyễn Đình Duy	04/02/2008	7	
284	79108208	Nguyễn Khánh Duy	31/07/2008	6	
285	79002896	Phạm Khánh Duy	24/09/2008	7	
286	79006236	Phạm Ngọc Phương Duy	24/08/2008	7	
287	79002897	Phạm Nguyễn Bảo Duy	14/10/2008	7	
288	79061417	Võ Minh Duy	26/10/2005	6.5	
289	79011049	Vũ Đình Anh Duy	23/08/2008	6.5	
290	75006725	Bùi An Duyên	19/10/2008	6	
291	79010438	Lê Huỳnh Kim Duyên	05/09/2008	6	
292	79032604	Lê Thị Hồng Duyên	09/05/2007	7	1430
293	79003425	Nguyễn Châu Kỳ Duyên	18/03/2008	7	
294	79049623	Nguyễn Kim Duyên	16/09/2008	7	
295	79125824	Nguyễn Ngọc Duyên	18/07/2008	6.5	
296	80008456	Nguyễn Trần Mỹ Duyên	01/01/2007	6	
297	79069632	Trần Ngọc Duyên	19/11/2008	6.5	
298	68024758	Trần Bảo Gia	10/09/2008	6.5	
299	80015571	Lê Minh Giang	12/09/2008	6.5	
300	79097993	Lê Quang Vệ Giang	31/01/2008	6.5	
301	79108226	Lư Vũ Lam Giang	08/06/2008	6	
302	66022565	Ngô Phương Giang	20/09/2008	6.5	
303	79097998	Nguyễn Phan Hương Giang	01/10/2008	7	1410
304	79108227	Nguyễn Phước Giang	09/07/2008	6.5	
305	79010466	Nguyễn Song Hương Giang	24/05/2008	6	
306	79120381	Trần Hồng Châu Giang	21/02/2008	6.5	
307	79011064	Nguyễn Khánh Giao	15/05/2008	6	
308	79126818	Hồ Thái Hà	05/02/2008	7	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
309	51006371	Lê Đặng Thanh Hà	18/09/2008	6	
310	79087854	Ngô Ngọc Ngân Hà	29/08/2008	6	
311	79049653	Nguyễn Khánh Hà	16/12/2008	7	1370
312	66030277	Nguyễn Lê Khánh Hà	31/01/2008		1590
313	01022897	Nhữ Anh Hà	18/02/2008	7.5	1460
314	79058777	Phạm Ngọc Hà	05/02/2008	6.5	
315	56008323	Phạm Thái Hà	05/08/2008	7.5	
316	79129853	Phạm Thiện Hoàng Hà	27/10/2008	6.5	
317	79069682	Thái Ngân Hà	03/02/2008	6.5	
318	79032640	Trần Ngọc Khánh Hà	24/06/2007	7	
319	79042692	Trần Thị Khánh Hà	18/01/2008	6	
320	79127370	Võ Thị Bích Hà	04/12/2008	7	
321	68024768	Nguyễn Huỳnh Quốc Hải	14/01/2008	6	
322	79104635	Vũ Thanh Hải	20/04/2008	6	
323	79005192	Đào Gia Hân	01/06/2008	6.5	
324	79029264	Đỗ Trịnh Gia Hân	31/12/2008	6	
325	80004685	Đoàn Nguyễn Gia Hân	05/02/2008	6.5	
326	79033223	Đoàn Phạm Minh Hân	09/07/2008	6	
327	80026315	Huỳnh Gia Hân	15/11/2008	6.5	
328	56008335	Huỳnh Khánh Hân	07/02/2008	8	
329	48008691	Huỳnh Trần Khả Hân	25/01/2008	6.5	
330	79005735	Lê Gia Hân	17/06/2008	6	
331	79062028	Lê Ngọc Hân	15/11/2008	7	
332	01017150	Lê Phương Hân	06/02/2008	7.5	
333	79087880	Lưu Gia Hân	15/02/2008	6	
334	79058784	Mai Ngọc Hân	26/02/2008	7	
335	79062029	Nguyễn Bảo Hân	22/01/2008	6.5	
336	79002927	Nguyễn Hồng Bảo Hân	14/07/2008	7	
337	79000205	Nguyễn Kiều Bích Hân	28/03/2007	6.5	
338	86011583	Nguyễn Kim Hân	22/12/2008	6	
339	79019574	Nguyễn Lý Bảo Hân	17/03/2008	6	
340	96000145	Nguyễn Ngọc Vy Hân	10/08/2008	7.5	1370
341	79020832	Nguyễn Phương Hân	03/01/2008	7.5	
342	79049664	Nhan Thụy Hân	20/08/2008	7.5	1520
343	79005744	Phạm Ngọc Gia Hân	02/08/2008	6.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
344	48004672	Phan Nguyễn Mai Hân	05/10/2008	7	1370
345	79098046	Trần Nguyễn Gia Hân	20/05/2008	6	
346	79052275	Trịnh Gia Hân	28/09/2008	6.5	
347	79125887	Trương Nguyễn Bảo Hân	10/10/2008	7.5	1400
348	79005748	Văn Ngọc Hân	30/11/2008	7.5	
349	79093880	Võ Gia Hân	27/04/2008	6	
350	79016247	Lương Nguyễn Thanh Hằng	30/10/2008	6.5	
351	79016248	Nguyễn Hoàng Thu Hằng	21/02/2008	6	
352	48004661	Nguyễn Minh Hằng	17/10/2008	6.5	
353	79105502	Nguyễn Minh Hằng	04/12/2008	8	
354	79125878	Phạm Thị Thu Hằng	01/06/2008	6	
355	79002922	Trương Mỹ Hằng	25/11/2008	6.5	1400
356	79105496	Bùi Nguyễn Minh Hạnh	26/08/2008	8	1550
357	79011070	Lê Nguyễn Minh Hạnh	19/07/2008	7.5	1480
358	79011071	Nguyễn Mai Hạnh	24/03/2008	6.5	
359	79069686	Cao Gia Hào	09/11/2008	6.5	1340
360	79105499	Nguyễn Chấn Hào	16/11/2008	6.5	
361	91015195	Phù Quách Vĩnh Hào	08/05/2008	6	
362	79051551	Trịnh Gia Hào	17/09/2008	7	
363	66031631	Đàm Khánh Thực Hiền	04/02/2008	6.5	
364	01017152	Hoàng Thảo Hiền	13/10/2008	6.5	
365	79001930	Nguyễn Cao Minh Hiền	02/02/2008	6	
366	79002933	Nguyễn Thu Hiền	24/01/2008	6	
367	79005749	Phạm Đình Ngọc Hiền	13/03/2008	7.5	
368	79087888	Nguyễn Quang Minh Hiền	14/01/2008	7.5	
369	79020834	Phan Thế Minh Hiền	03/03/2008	7	
370	79011082	Nguyễn Phúc Hiệp	02/10/2008	7	1350
371	79011083	Võ Đức Hiệp	14/09/2008	6.5	
372	51004768	Bùi Đức Trung Hiếu	02/02/2008	7	
373	91015231	Huỳnh Gia Hiếu	26/11/2008	7	
374	42006176	Lê Nguyễn Hiếu	17/11/2008	6	
375	79049670	Lê Trọng Hiếu	26/01/2008	7.5	
376	01008718	Nguyễn Minh Hiếu	03/12/2008	7	
377	79002935	Nguyễn Thuận Hiếu	05/01/2008	6	
378	91015997	Nguyễn Trần Thanh Hiếu	11/09/2008	6.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
379	48017261	Phạm Văn Hiếu	20/08/2008	7	
380	01028722	Trần Quang Hiếu	24/01/2008	6	
381	79090046	Võ Minh Hiếu	06/09/2008	7	
382	79002937	Võ Ngọc Hiếu	18/08/2008	6	
383	79010501	Lê Ngọc Xuân Hoa	12/04/2008	7	1360
384	79052292	Nguyễn Quý Quỳnh Hoa	27/01/2008	7	
385	79011087	Võ Lê Quỳnh Hoa	14/01/2008	6	
386	79011088	Nguyễn Thanh Hoài	02/02/2008	7.5	1410
387	31005452	Đỗ Đức Huy Hoàng	18/04/2008	6	
388	79047763	Lê Minh Hoàng	23/10/2008	6.5	
389	79005756	Lưu Nguyễn Minh Hoàng	29/02/2008	7	
390	79105535	Ngô Duy Hoàng	09/01/2008	6.5	
391	80018228	Nguyễn Đăng Hoàng	27/01/2008	6.5	
392	68001928	Nguyễn Lê Hoàng	05/10/2008	6	
393	75000201	Nguyễn Lê Hoàng	14/05/2008	7.5	
394	80018229	Nguyễn Lê Huy Hoàng	22/04/2008	6	
395	79011092	Phạm Minh Hoàng	03/03/2008	6	
396	79010507	Phan Thanh Hoàng	29/09/2008	7.5	
397	79011094	Trương Minh Hoàng	18/05/2008	8	1510
398	79049682	Lê Ánh Xuân Hồng	09/01/2008	7	
399	79002941	Lê Thị Ngọc Hồng	01/12/2008	6	
400	79011095	Nguyễn Phạm Ánh Hồng	13/05/2008	7	
401	79108255	Trần Thị Kim Hồng	08/03/2008	6	
402	48004703	Lê Tự Minh Hùng	03/03/2008	6	
403	79062057	Trần Dương Anh Hùng	10/08/2008		1430
404	48004713	Bùi Quang Hưng	25/02/2008	7	1400
405	79098124	Lê Long Hưng	13/12/2008	6	
406	52020410	Lý Gia Hưng	02/04/2008	6	
407	79011107	Nguyễn Hoàng Gia Hưng	04/09/2008	6.5	1420
408	91016045	Nguyễn Lâm Gia Hưng	23/11/2008	6.5	
409	79069721	Nguyễn Minh Hưng	16/07/2008	6.5	
410	51006459	Nguyễn Phúc Hưng	09/06/2008	7	
411	79059493	Nguyễn Quang Hưng	02/03/2008	7	1350
412	79015279	Nguyễn Trương Gia Hưng	29/10/2008	6	
413	73113052	Nguyễn Việt Hưng	03/02/2008	7	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
414	79005768	Nguyễn Vĩnh Hưng	02/09/2008	6.5	
415	79005769	Trần Đức Hưng	22/10/2008	7.5	
416	68016446	Đinh Quỳnh Hương	14/06/2008	6.5	
417	79069724	Lê Quỳnh Hương	17/09/2008	7	1400
418	79011110	Nguyễn Bảo Liên Hương	21/07/2008	7.5	1460
419	68005177	Nguyễn Ngọc Hương	02/08/2008	6.5	
420	79076032	Phùng Phạm Quỳnh Hương	07/04/2008	7	
421	79108257	Bùi Phạm Nhật Huy	11/01/2008	6	
422	75008450	Đặng Quang Huy	08/09/2008	6	
423	79002945	Đoàn Nguyễn Gia Huy	10/04/2008	7	
424	79011096	Dương Gia Huy	15/06/2008	8.5	1410
425	79116462	Hứa Gia Huy	13/07/2008	7	
426	79020848	Huỳnh Nguyễn Gia Huy	30/11/2008	6.5	
427	79000241	Huỳnh Nhật Huy	14/12/2008	6	
428	79105553	Huỳnh Phan Đức Huy	18/02/2008	8	1490
429	46002782	Huỳnh Thế Nhật Huy	25/02/2008	7.5	
430	79002947	Lê Gia Huy	19/12/2008	6	
431	79049689	Lê Hoàng Huy	27/05/2008	6	
432	79032683	Nguyễn Dương Đăng Huy	03/01/2007	6.5	1390
433	79002952	Nguyễn Minh Huy	23/09/2008	6	
434	52020388	Nguyễn Nhật Huy	25/09/2008	7	
435	79105560	Nguyễn Nhật Huy	17/06/2008	6	
436	79033263	Nguyễn Nhựt Huy	13/12/2008	6.5	
437	79011100	Nguyễn Phú Quang Huy	19/01/2008	6.5	1370
438	79063475	Nguyễn Quốc Huy	07/10/2008	6.5	
439	80004723	Nguyễn Quốc Gia Huy	17/01/2008	7.5	
440	79108264	Nguyễn Trần Quang Huy	03/07/2008	6	
441	79011101	Nguyễn Viết Tuấn Huy	24/12/2008	6.5	
442	52020395	Thái Gia Huy	28/06/2008	7	
443	79005764	Trần Bảo Huy	11/09/2008	8	1440
444	48011453	Trần Nguyễn Gia Huy	02/02/2008	6	
445	79105574	Trần Quang Huy	12/10/2008	8	
446	91014587	Trần Quốc Huy	08/01/2008	7	
447	79005765	Trương Hoàng Minh Huy	04/07/2008	6.5	
448	82027848	Võ Khánh Huy	28/04/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
449	79011105	Vũ Gia Huy	12/04/2008	7	
450	79002956	Vũ Nguyễn Quang Huy	18/11/2008	7.5	1430
451	48017300	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/12/2008	7.5	
452	79105603	Kiều Bảo Hy	08/05/2008	7.5	
453	79062088	Phạm Gia Hy	29/09/2007	6.5	
454	07952349	Ngô Hoàng Kha	09/03/2008	6	
455	79002962	Nguyễn Trần Tuấn Khải	15/03/2008	6.5	
456	37023745	Trần Duy Khải	15/01/2008	6	
457	79012855	Trương Hoàng Khải	24/01/2008	6.5	
458	79048919	Bùi Minh Khang	02/05/2008	7.5	
459	75042507	Đoàn Tấn Nguyên Khang	04/04/2008	7.5	
460	79105613	Lê Chí Phước Khang	06/01/2008	6.5	1480
461	86012115	Lê Duy Khang	11/02/2008	7.5	
462	79052355	Lê Nguyên Khang	26/02/2008	7	
463	79062098	Lê Trần Bảo Khang	31/07/2008	7	
464	79105617	Lý Hoàng Bảo Khang	10/10/2008	6.5	
465	79052358	Nguyễn Đắc Việt Khang	16/10/2008	7	
466	79062101	Nguyễn Đăng Khang	25/02/2008	6.5	
467	79011118	Nguyễn Đức Khang	08/01/2008	7.5	1440
468	79059521	Nguyễn Hữu Gia Khang	27/06/2008	7	
469	79011119	Nguyễn Lê Hoàng Khang	10/01/2008	7.5	1450
470	79033281	Nguyễn Lê Minh Khang	25/02/2008	6	
471	66030375	Nguyễn Phúc Khang	07/06/2008	6	
472	79005781	Nguyễn Phúc Khang	16/01/2008	6.5	
473	79108284	Nguyễn Phúc Nguyên Khang	24/02/2008	6	
474	79033284	Phạm Bảo Khang	22/07/2008	7	
475	79011124	Trần Vĩnh Khang	03/03/2008	6	
476	79046510	Trần Đỗ Bảo Khang	13/01/2008	7	
477	79037484	Trần Gia Khang	20/08/2008	6.5	
478	79059527	Trần Lê Khang	24/04/2008	7	
479	79069731	Trần Minh Khang	17/09/2008	7	
480	79011123	Trần Nguyễn Bảo Khang	19/05/2008	6.5	
481	79108287	Trần Nguyễn Phúc Khang	04/07/2008	7	
482	79064975	Trương Gia Khang	13/02/2008	7	
483	79016292	Võ Huỳnh Phúc Khang	11/11/2008	8	1490

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
484	79005273	Hồ Ngọc Mai Khanh	05/04/2008	6.5	
485	82022875	Lê Tuấn Khanh	22/11/2008	6	
486	79019599	Nguyễn Hoàng Đan Khanh	23/07/2008	6	
487	79002972	Nguyễn Hoàng Mai Khanh	11/07/2008	8	1430
488	79002974	Nguyễn Ngọc Uyên Khanh	04/11/2008	7	
489	79002975	Nguyễn Vũ Trúc Khanh	22/05/2008	6	
490	79130805	Tôn Thất Ngô Khanh	27/10/2008	7	
491	01028801	Trần Lê Khanh	21/11/2008	7	
492	68014200	Trần Nguyễn Yến Khanh	25/09/2008	6.5	
493	75006866	Bùi Nguyễn Gia Khánh	11/01/2008	6	
494	56008447	Đỗ Minh An Khánh	01/05/2008	6	
495	48004728	Lê Nam Khánh	16/11/2008	7.5	
496	79049730	Lê Trang Minh Khánh	28/02/2008	6.5	
497	79002978	Lý Quốc Khánh	02/09/2008	7.5	
498	79114320	Mai Huỳnh Gia Khánh	03/04/2008	6.5	
499	79062121	Mai Ngân Khánh	15/08/2008	7	1440
500	79062122	Mai Ngọc Khánh	15/08/2008	7	1390
501	75000249	Nguyễn An Khánh	15/03/2008	6.5	1420
502	79105634	Nguyễn Hoàng Khánh	25/05/2008	6.5	
503	92012013	Nguyễn Hữu Khánh	12/11/2008	7	
504	79020869	Phạm Ngọc Khánh	05/06/2008	7.5	1400
505	79002984	Trần Nguyễn Ngọc Khánh	06/04/2008	6.5	
506	79002986	Trần Nhật Khánh	29/05/2008	7	
507	79047811	Đặng Gia Khiêm	29/02/2008	6.5	
508	31018737	Đồng Xuân Khiêm	21/03/2008	7.5	
509	79002988	Mai Gia Khiêm	09/02/2008	8	
510	51015768	Phạm Nguyễn Gia Khiêm	05/07/2008	7	
511	79011129	Trương Anh Khiêm	30/09/2008	6.5	
512	79052376	Đỗ Anh Khoa	16/07/2008	7.5	1380
513	79011130	Đoàn Đỗ Minh Khoa	17/06/2008	7	1410
514	66022711	Hồ Diên An Khoa	06/06/2008	6.5	
515	79002989	Huỳnh Anh Khoa	26/04/2008	6.5	
516	79011132	Huỳnh Đăng Khoa	18/04/2008	7.5	1480
517	79108294	Huỳnh Tiến Khoa	14/05/2008	7	
518	79105646	Lê Anh Khoa	01/05/2008	6.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
519	79108295	Lê Hữu Khoa	17/06/2008	6.5	
520	79047816	Ngô Đăng Khoa	03/03/2008	6.5	1420
521	79000296	Nguyễn Hoàng Khoa	28/10/2008	6	
522	79105652	Nguyễn Minh Khoa	04/08/2008	6.5	1370
523	79059947	Nguyễn Nam Anh Khoa	29/11/2008	7	
524	79011133	Phạm Đăng Khoa	11/03/2008	6.5	1450
525	79083440	Phạm Ngọc Minh Khoa	02/09/2008	6	
526	79036971	Phạm Nguyễn Đăng Khoa	01/07/2006		1370
527	79098171	Phạm Văn Đăng Khoa	01/10/2008	6.5	
528	79061563	Phạm Xuân Khoa	02/11/2008	7	
529	79011134	Tô Đăng Khoa	18/05/2008	7	
530	79087981	Trần Anh Khoa	26/03/2005	6.5	1400
531	51006495	Trần Công Khoa	24/01/2008	6	
532	56008460	Trần Đăng Khoa	12/08/2008	6.5	
533	79108298	Trần Đức Minh Khoa	02/06/2008	7	
534	79011135	Trần Duy Khoa	12/10/2008	8	1460
535	79105659	Võ Nguyên Khoa	01/01/2008	6	
536	79020883	Bùi Nguyễn Minh Khôi	30/10/2008	6.5	
537	22009051	Đặng Minh Khôi	24/01/2008	6.5	
538	79002997	Đặng Nguyễn Minh Khôi	29/11/2008	7.5	
539	79105662	Đinh Minh Khôi	03/07/2008	6.5	
540	96012227	Hồ Đăng Khôi	17/10/2008	6	
541	68001987	Lê Đức Khôi	21/03/2008	6	
542	79005287	Mai Liêu Tuấn Khôi	21/10/2008	6.5	
543	79105667	Nguyễn Đình Khôi	19/05/2008	6.5	
544	79005803	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	20/06/2008	6	
545	79052400	Nguyễn Khánh Gia Khôi	06/03/2008	6.5	
546	79105669	Nguyễn Mai Khôi	04/08/2008	7.5	1490
547	79011140	Nguyễn Minh Khôi	22/11/2008	7.5	1470
548	79105671	Nguyễn Minh Khôi	18/09/2008	7	
549	80026397	Nguyễn Minh Khôi	13/06/2008	6	1440
550	79016302	Nguyễn Nhựt Minh Khôi	22/11/2008	7	
551	79020890	Phạm Mai Khôi	09/05/2008	7.5	
552	66030399	Phạm Minh Khôi	25/03/2008	6.5	
553	79005807	Phạm Minh Khôi	12/05/2008	6.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
554	79052402	Phan Đăng Khôi	05/02/2008	7	
555	79054193	Trần Chí Minh Khôi	02/12/2008	6.5	
556	79105681	Võ Đăng Khôi	02/04/2008	6	
557	01005392	Vũ Minh Khôi	14/04/2008	6	
558	79011144	Diệp Anh Khuê	14/10/2008	7.5	1340
559	79062145	Huỳnh Phạm Sao Khuê	07/05/2008	7	
560	01020773	Khúc Thị Minh Khuê	01/03/2008	7.5	1490
561	56008475	Lâm Minh Khuê	18/09/2008	7.5	1430
562	79108302	Lê Đình Thục Khuê	27/09/2008	6.5	
563	79062147	Lê Ngọc Kim Khuê	08/02/2008	6.5	
564	79105684	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	18/04/2008	7.5	1350
565	79139177	Lê Trung Kiên	25/02/2008	6.5	
566	79098194	Mai Trung Kiên	22/10/2008	7	
567	79047834	Nguyễn Hữu Kiên	27/06/2008	7	1340
568	91016104	Nguyễn Trung Kiên	12/03/2008	6	
569	68024905	Nguyễn Văn Chí Kiên	03/10/2008	7.5	
570	79069741	Đoàn Anh Kiệt	26/04/2008	6	
571	79105689	Huỳnh Anh Kiệt	12/05/2008	6.5	
572	52000793	Mai Tuấn Kiệt	29/12/2008	6	
573	75006897	Ngô Tuấn Kiệt	27/10/2008	7	
574	48011494	Nguyễn Bá Anh Kiệt	13/11/2008	6	
575	79003007	Nguyễn Thế Kiệt	19/05/2008	6.5	1370
576	79011154	Phạm Anh Kiệt	16/06/2008	7	1430
577	79105696	Trần Đăng Kiệt	28/06/2008	6.5	
578	79011155	Trương Tuấn Kiệt	01/01/2008	7.5	
579	79003010	Nguyễn Hoàng Kim	05/06/2008	6.5	
580	79003011	Nguyễn Hoàng Kim	16/06/2008	6.5	
581	79105700	Phạm Ngọc Thiên Kim	05/01/2008	7	
582	79062161	Trần Ngọc Thiên Kim	03/06/2007	6	
583	96012239	Dương Lý Nhã Kỳ	06/12/2008	7.5	
584	79016313	Huỳnh Hiếu Kỳ	28/10/2008	7	
585	80020419	Ngô Châu Nhã Kỳ	03/03/2008	6	
586	66030417	Phan Nhã Kỳ	10/02/2008	6.5	
587	79016318	Bùi Cẩm Lạc	25/06/2008	6	
588	79011160	Nguyễn Học Lạc	09/06/2008	6.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
589	92012046	Bùi Huỳnh Nhã Lam	24/11/2008	7.5	
590	79105710	Đinh Ngọc Hải Lam	28/08/2008	7.5	1390
591	91016125	Ngô Ngọc Lam	09/08/2008	7	
592	79059573	Phan Hồng Lam	07/05/2008	6.5	
593	79126018	Phan Huỳnh Lam	31/03/2008	7	
594	79068058	Trần Ngọc Lam	05/02/2008	6.5	
595	79003017	Bạch Võ Hoàng Lâm	14/04/2008	6.5	
596	79105727	Hoàng Ngọc Tường Lâm	10/01/2008	6.5	1390
597	48011497	Lê Tùng Lâm	29/15/2008	6.5	
598	68022621	Nguyễn Bảo Lâm	04/11/2008	7	
599	01020809	Nguyễn Thanh Lâm	29/10/2008	7.5	1500
600	79011167	Nguyễn Thùy Lâm	13/07/2008	8.5	1540
601	96000248	Quách Thái Lâm	06/04/2008	7	
602	79098215	Trần Hải Thùy Lâm	16/06/2008	6	
603	79105731	Trần Quốc Lâm	29/08/2008	6.5	
604	86012146	Trương Hoàng Hải Lâm	24/10/2008	6	
605	79020914	Huỳnh Đình Hoàng Lan	16/05/2008	6	
606	91033236	Lâm Ngọc Phương Lan	01/06/2008	6.5	
607	79105721	Nguyễn Hương Lan	29/03/2008	6	
608	79105725	Trần Ngọc Hoàng Lan	02/06/2008	6	
609	79016333	Chen Xiao Le	24/08/2008	7	
610	40000452	Văn Thị Ngọc Lê	07/01/2008	7	
611	79016335	Trần Nhã Lê	28/05/2008	6	
612	75018162	Bùi Hải Liên	17/07/2006	6.5	
613	79062177	Nguyễn Hồng Liên	20/07/2008	8	
614	79016336	Nguyễn Ngọc Kiều Liên	06/10/2008	6.5	
615	79016339	Nguyễn Ngọc Quỳnh Liên	01/08/2008	6.5	
616	79052432	Bùi Văn Linh	10/08/2008	6.5	
617	75037046	Cáp Trúc Linh	24/10/2008	6.5	
618	79016341	Cổ Khánh Linh	24/07/2008	6.5	
619	68008658	Dương Hoàng Linh	01/06/2008	6	
620	79069755	Huỳnh Khánh Linh	21/07/2008	7	1370
621	79076067	Huỳnh Ngọc Phương Linh	18/07/2008	7	
622	75001149	Lê Mai Ngọc Linh	26/03/2008	6.5	
623	01013033	Long Phượng Linh	17/04/2008	6.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
624	66030426	Nguyễn Đăng Gia Linh	22/04/2008	6.5	
625	75000289	Nguyễn Đỗ Khánh Linh	07/02/2008	7.5	
626	79003026	Nguyễn Gia Ngọc Linh	11/12/2008	7.5	
627	79054220	Nguyễn Hải Linh	01/09/2008	6	
628	01017229	Nguyễn Hoàng Linh	13/03/2008	7.5	
629	40004421	Nguyễn Khánh Linh	18/04/2008	6.5	
630	52000201	Nguyễn Kiều Hương Linh	19/01/2008	7	
631	79005839	Nguyễn Lê Phương Linh	10/04/2008	6.5	
632	79108895	Nguyễn Phương Linh	18/01/2008	6.5	
633	79003027	Nguyễn Tống Mỹ Linh	29/10/2008	6.5	
634	48911507	Nguyễn Trần Gia Linh	07/11/2008	8	
635	79013368	Phan Ngọc Linh	25/09/2008	6	
636	79047869	Thạch Thị Hà Linh	21/04/2008	6	
637	48018982	Tống Tuệ Linh	03/07/2008	7.5	
638	79003030	Trần Diệu Linh	16/08/2008	6.5	
639	52000205	Trần Hoàng Phương Linh	20/11/2008	6.5	
640	79059594	Trần Khánh Linh	24/02/2008	7	
641	79105758	Trần Khánh Linh	30/10/2008	6.5	
642	79005319	Trần Thái Khánh Linh	28/06/2008	6.5	
643	79011185	Trương Khánh Linh	30/11/2008	7.5	
644	79062195	Trương Ngọc Khánh Linh	29/03/2008	7	1390
645	79062196	Trương Nhật Linh	19/10/2008	6.5	
646	79011188	Võ Nguyễn Phương Linh	14/04/2008	6.5	
647	56007852	Vũ Phạm Hoàng Linh	23/04/2008	6	
648	79052469	Lê Phước Lộc	01/01/2008	6	
649	40039959	Nguyễn Đình Thành Lộc	06/07/2008	6	
650	79052472	Nguyễn Tiến Lộc	17/04/2008	7.5	
651	79108914	Nguyễn Võ Tiến Lộc	29/10/2008	6	
652	79016379	Trần Tuấn Lợi	26/11/2008	6.5	
653	79011191	Hoàng Thành Long	02/03/2008	7	1340
654	79000350	Lê Hoàng Long	10/02/1998	7.5	
655	79108906	Lê Hoàng Long	09/09/2008	7	
656	79052460	Ngô Ngọc Long	04/10/2008	6	
657	48004747	Nguyễn Hoàng Long	26/05/2008	6.5	
658	79108907	Nguyễn Phúc Bảo Long	15/04/2008	6.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
659	79013376	Nguyễn Thành Long	07/11/2008	6.5	
660	79011194	Nguyễn Trần Bảo Long	09/11/2008	6.5	1390
661	79108909	Nhâm Hoàng Long	05/01/2008	7	
662	79105766	Phạm Ngọc Hoàng Long	23/08/2008	6	
663	79037027	Phùng Hoàng Long	26/09/2005	7	
664	79000356	Trần Tiến Long	21/07/2008	7	
665	79089484	Nguyễn Võ Hoàng Luân	24/01/1998	8	
666	79003041	Trần Kiến Lương	22/11/2008	7.5	1430
667	52000221	Trương Phú Lương	11/07/2008	6	
668	79011205	Trần Quốc Lượng	14/02/2008	8	1530
669	44007074	Lê Ngọc Ly Ly	17/01/2008	6	
670	75006940	Lê Uyên Ly	07/03/2008	6	
671	79049811	Nguyễn Thảo Ly	05/03/2008	6.5	
672	79020952	Bùi Thanh Mai	31/07/2008	7.5	
673	79011207	Đỗ Xuân Mai	03/10/2008	6.5	
674	79062221	Nguyễn Ngọc Mai	30/01/2007	6.5	
675	79054255	Nguyễn Ngọc Phương Mai	18/01/2008	6	
676	68013867	Nguyễn Trần Ngọc Mai	22/06/2008	6	
677	79076693	Trần Phúc Nhật Mai	30/09/2008	7.5	
678	79104775	Trần Xuân Mai	28/01/2008	6	
679	37023831	Vũ Phương Mai	15/05/2008	6	
680	68016067	Hoàng Gia Mẫn	28/06/2008	7	
681	79037039	Ngô Gia Mẫn	14/11/2008	6	
682	79003050	Nguyễn Gia Mẫn	03/08/2008	6	
683	79052484	Nguyễn Thiên Tuệ Mẫn	29/10/2008	6	
684	79052485	Quách Tuệ Mẫn	18/02/2008	7	
685	79127072	Jung Hye Mi	22/07/2008	8	
686	79050139	Nguyễn Cao Hà Mi	15/01/2008	7.5	
687	79047897	Bùi Khuru Nhật Minh	27/07/2008	6.5	
688	79003051	Đặng Anh Minh	07/12/2008	7.5	
689	79052489	Đặng Gia Minh	28/09/2008	7.5	
690	79052491	Đặng Nhật Minh	09/11/2008	7	
691	80004837	Đặng Quang Minh	10/03/2007	7.5	1420
692	79088062	Đinh Bình Minh	02/01/2008	6	
693	66022828	Đỗ Ngọc Tuệ Minh	22/11/2008	6	1440

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
694	79105777	Đỗ Phúc Minh	13/09/2008	7	
695	79011643	Hà Kiến Minh	17/01/2008	7.5	1490
696	79062230	Hà Lê Minh	05/12/2007	6.5	
697	79059614	Hồ Tuấn Minh	31/10/2008	6.5	1370
698	01028872	Hoàng Nhật Minh	19/10/2007	8	1510
699	79003054	Hoàng Phan Nguyệt Minh	11/09/2008	6.5	
700	66030455	Huỳnh Thị Bảo Minh	11/06/2008	6	
701	79011646	Lê Minh	05/06/2008	8	1370
702	01017256	Lê Cao Minh	12/11/2008	6.5	
703	79047898	Lê Ngọc Minh	24/12/2008	7	
704	79105778	Lê Nguyễn Nhật Minh	15/02/2008	7	
705	79020965	Lê Nhật Minh	05/10/2008	6.5	
706	79005870	Lê Trần Quang Minh	23/02/2008	8	
707	46002956	Lữ Nguyệt Minh	13/10/2008	6.5	
708	48004757	Mai Thái Minh	03/01/2008	7.5	1490
709	01020955	Nghiêm Thọ Bảo Minh	17/10/2008	6.5	
710	79105781	Ngô Huy Minh	21/01/2008	7	1470
711	79114413	Ngô Vũ Công Minh	29/02/2008	6	
712	79105782	Nguyễn Đức Minh	08/01/2008	8	
713	75000330	Nguyễn Duy Minh	15/07/2008	7.5	
714	79011652	Nguyễn Hoàng Đức Minh	20/10/2008	8	1420
715	79003056	Nguyễn Hoàng Trí Minh	16/01/2008	8	1500
716	79050144	Nguyễn Hồng Minh	17/05/2008	6	
717	82027949	Nguyễn Hữu Minh	21/02/2008	6.5	
718	80004843	Nguyễn Khánh Minh	22/04/2008	7.5	
719	79062235	Nguyễn Lâm Quang Minh	10/05/2008	7	
720	79105785	Nguyễn Ngọc Ánh Minh	15/04/2008	7.5	
721	31025947	Nguyễn Nhật Minh	03/01/2008	8	
722	79047901	Nguyễn Nhật Minh	16/02/2008	7.5	
723	79069784	Nguyễn Phan Quang Minh	02/09/2008	7	1360
724	79105786	Nguyễn Quang Minh	27/10/2008	6.5	
725	86029511	Nhan Tuệ Minh	20/02/2008	6.5	1380
726	79068096	Phạm Ánh Minh	04/11/2008	6.5	
727	01020986	Phạm Nhật Minh	28/10/2008	7	
728	79062237	Phan Anh Minh	22/08/2008	7	
729	79003061	Quản Anh Minh	16/06/2008	6.5	
730	79105788	Quảng Nguyễn Trọng Minh	28/08/2008	6	
731	79054268	Thái Nguyên Minh	03/05/2008	6.5	
732	42005594	Trần Đăng Quang Minh	20/09/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
733	79020973	Trần Đức Minh	11/08/2008	7.5	
734	66030463	Trần Nguyên Thái Minh	15/01/2008	7	
735	79005878	Trịnh Bình Minh	17/04/2008	8	
736	75032427	Trương Quang Minh	09/11/2008	6	
737	79050152	Võ Ánh Minh	01/09/2008	7	
738	92008140	Võ Nguyễn Diễm Minh	04/03/2008	6.5	
739	79050153	Vũ Nguyệt Minh	26/12/2008	6	
740	79060605	Cao Thanh Hà My	14/08/2008	8	
741	79000383	Đỗ Đặng Trà My	07/01/2008	6	
742	79005885	Lâm Diễm My	13/01/2008	6.5	
743	79113166	Lê Thúy My	26/03/2008	7	
744	79011666	Lưu Nguyễn Thảo My	01/07/2008	8	
745	79011667	Lưu Phạm Diễm My	31/01/2008	7	
746	79098241	Nguyễn Lê Thảo My	19/11/2008	7	
747	79108936	Nguyễn Ngọc Thúy My	11/08/2008	7	
748	79108935	Nguyễn Ngọc Thùy My	11/08/2008	7.5	
749	79062248	Nguyễn Trà My	11/07/2008	6.5	
750	79108937	Nguyễn Trà My	06/08/2008	6.5	
751	51005805	Phạm Ngô Hà My	23/07/2008	6	
752	79108939	Phạm Thái Hà My	11/04/2008	6	
753	79011672	Phan Trà My	16/01/2008	6	
754	51006591	Trần Thị Thảo My	16/11/2008	6	
755	79105804	Lê Ly Na	12/01/2008	8	
756	48004763	Bùi Đức An Nam	10/09/2008	8	
757	79105643	Bùi Nguyễn Nhật Nam	17/09/2008	6	
758	79050158	Bùi Phương Nam	21/05/2008	6.5	
759	79054286	Đặng Nhật Nam	06/03/2008	7.5	1340
760	56007298	Đào Bảo Nam	02/12/2008	6	
761	79003069	Hồ Nhật Nam	07/02/2008	7.5	1510
762	01030375	Hoàng Bảo Nam	05/11/2008	6	
763	79105805	Huỳnh Phương Nam	24/09/2008	6.5	
764	48004765	Lê Bùi Huy Nam	01/02/2008	6	
765	79003072	Nguyễn Khánh Nam	08/09/2008	7	
766	79050161	Nguyễn Lưu Hải Nam	06/12/2008	6.5	
767	75000345	Nguyễn Xuân Nam	16/01/2008	6.5	
768	75000347	Phạm Trần Thành Nam	15/09/2008	7	
769	79003073	Phan Bá Nam	17/12/2008	7	
770	79105807	Trần Phương Nam	30/07/2008	6	
771	79000401	Võ Hồ Hoàng Nam	09/02/2008	7	
772	48017399	Vũ Hoàng Nam	17/02/2008	6.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
773	79107268	Lý Tố Nga	24/10/2007	6	
774	79126131	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	22/03/2008	8	
775	80018407	Trần Thị Kim Nga	06/08/2008	6.5	
776	79126132	Võ Thị Hồng Nga	11/01/2008	6.5	
777	79062258	Bùi Lê Kim Ngân	02/08/2008	6.5	
778	79052519	Đào Khánh Ngân	21/11/2008	6	
779	79050166	Hồ Hà Ngân	06/06/2008	8	1520
780	79098246	Mã Thị Thảo Ngân	16/12/2008	6	
781	79059634	Nghiêm Bá Thùy Ngân	25/03/2008	7	
782	79100478	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	22/02/2008	6.5	
783	79050174	Nguyễn Ngọc Hà Ngân	01/11/2008	7	
784	52016671	Nguyễn Thị Thúy Ngân	02/02/2008	6.5	
785	79052527	Thái Thanh Ngân	07/10/2008	6	
786	79060036	Trần Lê Bảo Ngân	15/11/2008	7.5	
787	79011686	Trần Thị Phương Ngân	06/04/2008	6.5	
788	52000250	Võ Hoàng Ngân	09/04/2008	7.5	
789	79130904	Nguyễn Trọng Ngân	30/09/2008	7	
790	79003086	Cù Thoại Nghi	17/05/2008	7	1340
791	79016473	Đặng Gia Nghi	28/02/2008	7.5	
792	79062266	Dương Bảo Nghi	29/07/2008	6	
793	79053804	Huỳnh Gia Nghi	07/10/2008	7	
794	79005904	Lê Khắc Phương Nghi	25/01/2008	6	
795	79016478	Lê Nguyễn Phương Nghi	03/04/2008	6.5	
796	80018419	Nguyễn Đào Bảo Nghi	21/03/2008	8	
797	79052533	Nguyễn Trần Bảo Nghi	15/11/2008	6	
798	79052534	Phạm Điền Nguyệt Nghi	13/12/2008	6	
799	79003088	Phạm Lê Bảo Nghi	18/10/2008	6.5	
800	80003608	Phạm Ngọc Tú Nghi	19/12/2008	6	
801	75000371	Quách Minh Nghi	05/01/2008	7	1340
802	79050184	Thái Đoàn Phương Nghi	28/04/2008	7	
803	91016994	Thái Hoàng Chiêu Nghi	04/12/2008	6.5	
804	79108967	Trần Hồ Mẫn Nghi	07/09/2008	7	
805	79011702	Võ Ngọc Minh Nghi	04/10/2008	7.5	1440
806	79105827	Lê Huỳnh Trung Nghĩa	12/01/2008	8	
807	40003836	Nguyễn Chí Nghĩa	26/09/2008	7.5	1440
808	79054304	Nguyễn Trung Nghĩa	07/10/2008	6	
809	01021070	Đàm Minh Ngọc	10/03/2008	8	
810	75007663	Đào Bảo Ngọc	14/07/2008	6	
811	52000252	Đinh Bảo Ngọc	30/10/2008	6	
812	75021623	Hồ Lê Khánh Ngọc	29/08/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
813	86011706	Huỳnh Bảo Ngọc	07/04/2008	6.5	
814	79012350	Lê Thụy Bảo Ngọc	04/10/2008	6.5	
815	79062275	Lìn Kim Ngọc	19/09/2007	6.5	
816	56018904	Lương Trần Bảo Ngọc	04/07/2008	6	
817	79105834	Nguyễn Bảo Ngọc	11/12/2008	6.5	1350
818	79021009	Nguyễn Đỗ Minh Ngọc	18/02/2008	8	1560
819	79016499	Nguyễn Hồng Ngọc	03/12/2008	7.5	
820	79018243	Nguyễn Huỳnh Thiên Ngọc	12/01/2008	6.5	
821	75001298	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	27/11/2008	6.5	
822	66022898	Nguyễn Ngô Như Ngọc	08/05/2008	7.5	
823	79059643	Nguyễn Thị Minh Ngọc	29/11/2008	6.5	
824	91033858	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	05/09/2008	6.5	
825	79105841	Nguyễn Trịnh Hải Ngọc	01/03/2008	6.5	
826	01036553	Nguyễn Vũ Minh Ngọc	05/08/2008	6	
827	79061684	Phạm Bảo Ngọc	27/03/2008	6.5	
828	79127118	Phạm Hồng Ngọc	19/10/2008	6	
829	75051039	Phạm Khánh Ngọc	20/04/2008	6	
830	79050192	Thái Minh Ngọc	05/08/2008	6	
831	79015342	Trần Khánh Ngọc	16/10/2008	7.5	
832	92022215	Trần Minh Ngọc	18/05/2008	6	
833	56007336	Trần Nhật Bảo Ngọc	15/11/2008	6	
834	79108980	Trần Viên Lam Ngọc	03/03/2008	6	
835	91016239	Trần Vũ Uyên Ngọc	22/02/2008	7.5	
836	79016871	Trịnh Gia Ngọc	13/08/2008	7	1390
837	79105843	Vũ Nguyễn Khánh Ngọc	17/05/2008	7.5	
838	79059644	Vương Nguyễn Bảo Ngọc	19/11/2008	6	
839	91015470	Bùi Thảo Nguyên	10/01/2008	6	
840	80003641	Dương Minh Tường Nguyên	22/09/2008	6.5	
841	79011724	Hà Vũ Cao Nguyên	22/04/2008	7	1410
842	82027997	Hoàng Nguyên	23/09/2008	7	
843	79037099	Huỳnh Khôi Nguyên	18/08/2007	7	
844	79108983	Huỳnh Nguyễn Khôi Nguyên	26/06/2008	6	
845	48024884	Huỳnh Thị Thảo Nguyên	16/05/2008	6	
846	79022872	Lê Chí Nguyên	01/06/2008	6.5	
847	79033421	Lê Đình Nguyên	12/04/2008	6	
848	79105845	Lê Hạnh Nguyên	11/06/2008	7	1420
849	79052550	Lê Hoàng Khánh Nguyên	03/01/2008	6	
850	79005938	Lư Hoàng Phúc Nguyên	15/03/2008	6.5	1460
851	79011727	Nguyễn Bảo Nguyên	01/09/2008	7	
852	91016245	Nguyễn Hồng Lam Nguyên	26/03/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
853	79016878	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	04/09/2008	6.5	
854	79108986	Nguyễn Phước Nguyên	01/03/2008	7.5	
855	79088134	Nguyễn Quang Nguyên	08/03/2008	7	
856	79052551	Nguyễn Thanh Nguyên	22/04/2008	7	
857	75000394	Nguyễn Thị Bảo Nguyên	27/04/2008	6	
858	79005939	Nguyễn Thùy Thảo Nguyên	03/11/2008	7	1430
859	79105847	Nguyễn Trà Phúc Nguyên	15/01/2008	7	
860	79049162	Nguyễn Võ Thảo Nguyên	27/11/2008	7.5	
861	48016852	Phạm Khôi Nguyên	23/03/2008	6	
862	48017746	Phan Phương Nguyên	13/01/2008	7	
863	79021024	Thiều Khôi Nguyên	10/01/2008	8	1430
864	48011595	Trần Đình Thảo Nguyên	19/11/2008	6.5	
865	68025032	Trần Hạnh Nguyên	29/06/2008	7	
866	79105849	Trần Hạnh Nguyên	14/08/2008	7	
867	79126173	Trịnh Khởi Nguyên	20/10/2008	7	1500
868	75001315	Trương Phạm Phương Nguyên	06/08/2008	6	
869	01028922	Uông Khôi Nguyên	14/07/2007	6.5	
870	79062285	Võ Hạnh Nguyên	30/04/2008	6	
871	68002089	Nguyễn Gia Nguyễn	31/01/2008	7	
872	79105851	Nguyễn Lê Nguyễn	22/11/2008	6	
873	79126174	Nguyễn Giang Lâm Nguyệt	04/02/2008	7.5	
874	79033426	Nguyễn Trần Thanh Nhã	06/11/2008	8	1380
875	51011715	Phan Phong Nhã	13/07/2008	6.5	
876	79005945	Trang Huệ Nhã	08/01/2008	7	
877	79011738	Đặng Thanh Nhân	08/03/2008	6.5	
878	79016882	Hoàng Quý Thiện Nhân	30/09/2008	6.5	
879	79000458	Lê Nguyễn Trọng Nhân	01/05/2008	7	
880	52001760	Nguyễn Ái Nhân	12/07/2008	6	
881	79011740	Nguyễn Đăng Thành Nhân	29/03/2008	8	1410
882	79016883	Nguyễn Lâm Thiện Nhân	08/04/2008	6.5	
883	79054322	Nguyễn Thanh Nhân	20/07/2008	6	
884	79105858	Nguyễn Thiện Nhân	31/01/2008	7	
885	82030340	Nguyễn Thiện Nhân	19/11/2008	7	
886	79021033	Nguyễn Trí Nhân	09/11/2008	6.5	
887	40004525	Nguyễn Trọng Nhân	13/12/2008	6	
888	79105859	Phạm Như Chí Nhân	16/04/2008	6.5	
889	92012180	Trần Nguyễn Quang Nhân	08/10/2008	6.5	
890	52020654	Vi Văn Nhân	07/10/2008	6	
891	79050205	Võ Thành Nhân	07/12/2008	6	
892	79105860	Nguyễn Phước Nhân	05/03/2008	7.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
893	79130956	Trần Ngọc Nhất	28/04/2008	6	
894	79052558	Đặng Minh Nhật	07/01/2008	6.5	
895	48011608	Đoàn Minh Nhật	03/01/2008	6.5	
896	79011745	Võ Hoàng Minh Nhật	21/09/2008	8	1420
897	79011660	Võ Minh Nhật	08/01/2008	8	1470
898	79109009	Cao Xuân Nhi	23/03/2008	6	
899	79050797	Đinh Uyên Nhi	10/12/2008	7	
900	79003104	Hoàng Ý Nhi	06/01/2008	7.5	1380
901	79050206	Hoàng Yến Nhi	14/06/2008	6	
902	79011749	Huỳnh Hạnh Nhi	20/05/2008	6.5	
903	79047967	Huỳnh Ngọc Uyên Nhi	20/01/2008	6	
904	79021041	Huỳnh Nguyễn Phương Nhi	05/05/2008		1460
905	79005954	Lâm Nguyễn Xuân Nhi	13/04/2008	6	
906	79105866	Lâm Tuệ Nhi	12/07/2008	7	
907	66030528	Lê Bình Yến Nhi	04/07/2008	7	1400
908	79047968	Lê Mai Khánh Nhi	05/12/2008	6.5	
909	79062719	Lưu Yến Nhi	06/12/2007	6	
910	79040141	Lý Tâm Nhi	03/12/2008	6.5	
911	79050208	Nguyễn Bảo Nhi	25/10/2008	6	
912	68002108	Nguyễn Hoàng Xuân Nhi	10/05/2008	6.5	
913	79016889	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	14/02/2008	6	
914	79007415	Nguyễn Phương Nhi	08/06/2008	7	
915	40003885	Nguyễn Thị Phương Nhi	26/02/2008	7.5	1530
916	79105875	Nguyễn Thị Xuân Nhi	15/03/2008	6	
917	79003112	Thái Tường Nhi	02/10/2008	6.5	
918	79011754	Trần Hồ Phương Nhi	08/03/2008	6	
919	79089586	Trần Thị Thảo Nhi	16/04/2008	7	
920	79052567	Trịnh Tâm Nhi	05/02/2008	6	
921	44020192	Văn Gia Bảo Nhi	16/09/2008	7	
922	79003114	Văn Võ Phương Nhi	09/12/2008	7.5	1450
923	91016277	Võ Huỳnh Phương Nhi	20/07/2008		1510
924	79059658	Võ Ngọc Yến Nhi	13/09/2008	6	
925	79050220	Võ Song Nhi	26/02/2008	7.5	
926	75007048	Võ Uyên Nhi	21/04/2008	6.5	
927	79105879	Nguyễn An Nhiên	12/02/2008	7.5	
928	79059659	Nguyễn Lê Thảo Nhiên	04/07/2008	7.5	
929	79011758	Nguyễn Thị An Nhiên	10/11/2008	6	
930	79011281	Nguyễn Vũ Hoàn Nhiên	13/07/2008	7.5	
931	79011759	Võ Hà An Nhiên	23/11/2008	8	1530
932	82028022	Bùi Hiếu Nhu	26/04/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
933	79033446	Đặng Ngọc Như	30/11/2008	6	
934	79088177	Đinh Quỳnh Như	17/04/2008	6.5	
935	79052570	Hà Phạm Hương Như	02/10/2008	7	
936	79011762	Khưu Khánh Như	19/01/2008	7	
937	01021098	Mai Viên Như	01/10/2008	7.5	
938	66030544	Nguyễn Đào Khánh Như	25/01/2008	6	
939	79095619	Nguyễn Ngọc Như	15/12/2008	6	
940	48024920	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	01/01/2008	7	
941	82032203	Nguyễn Quỳnh Như	08/04/2008	6	
942	79109034	Nguyễn Trần Quỳnh Như	15/06/2008	6	
943	92012199	Phạm Quỳnh Như	03/12/2008	6	
944	75000449	Trần Khánh Như	16/01/2008	7	1390
945	79113303	Trần Tố Như	25/01/2008	7	1370
946	79016901	Triệu Mẫn Như	13/07/2008	6	
947	79032884	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	07/04/2007	6	
948	52000954	Nguyễn Thị Quỳnh Nhung	10/07/2008	6.5	
949	79069865	Lý Thái Ni	04/08/2008	7.5	1350
950	79005976	Đỗ Hoàng Xuân Ninh	11/01/2008	6.5	
951	79111771	Dương Thị Khánh Ninh	23/07/2008	8	
952	79003781	Nguyễn Kiều Oanh	31/10/2008	6.5	
953	79005979	Lâm Chấn Phát	12/11/2008	7	
954	79105890	Ngô Lê Tiến Phát	27/06/2008	6	
955	79101095	Nguyễn Hồng Phát	01/01/2008	6	
956	79054343	Nguyễn Ngọc Gia Phát	16/10/2008	7.5	1340
957	86015554	Phan Hòa Phát	27/03/2008	7	
958	79105891	Trần Tấn Phát	01/10/2008	6	
959	79069867	Trần Tiến Phát	03/01/2008	7.5	1450
960	92022259	Huỳnh Đình Phi	07/11/2008	6.5	
961	79032913	Chí An Phong	23/10/2006	6	
962	79117977	Hoàng Huy Phong	14/07/2008	7.5	
963	79052582	Nguyễn Thanh Phong	09/04/2008	6	
964	79001050	Trần Nguyễn An Phong	24/01/2006	7.5	
965	01030520	Vũ Đại Phong	20/07/2008	6.5	
966	79005983	Đào Thiên Phú	13/10/2008	6.5	
967	79105893	Đỗ Quốc Phú	21/11/2008	7.5	1370
968	52000308	Hồ Minh Phú	29/05/2008	7.5	
969	92027011	Lâm Nguyễn Phú	31/03/2008	7.5	
970	79083674	Lường Hữu Phú	19/08/2008	6	
971	79000516	Nguyễn Ngọc Thiên Phú	31/12/2008	7	
972	68025094	Nguyễn Phan Thiên Phú	01/05/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
973	79050244	Phạm Thành Phú	11/05/2008	6.5	1370
974	48004814	Phan Hữu Phú	07/08/2008	6.5	
975	52000313	Đỗ Duy Thiên Phúc	27/01/2008	6.5	
976	79105897	Huỳnh Trịnh Vĩnh Phúc	16/08/2008	7.5	
977	79105899	Nguyễn Hồng Phúc	05/06/2008	7.5	1410
978	79059681	Nguyễn Lê Gia Phúc	06/07/2008	6	
979	80028029	Nguyễn Lê Tâm Phúc	25/11/2008	6	
980	44007246	Nguyễn Minh Phúc	07/09/2008	7	
981	79109061	Nguyễn Minh Phúc	21/10/2008		1380
982	92012225	Nguyễn Như Phúc	24/05/2008	7	
983	79062309	Nguyễn Thiên Phúc	14/05/2008	7.5	
984	79029392	Nguyễn Trần Hoàng Phúc	18/07/2008	6	
985	79050252	Nguyễn Trần Hồng Phúc	12/02/2008	7.5	
986	48011650	Phạm Hồng Phúc	27/11/2008	7	
987	79062310	Phạm Hồng Phúc	30/08/2008	6	
988	79021086	Phan Hoàng Phúc	07/11/2008	6	
989	79011793	Trần Ngô Minh Phúc	22/03/2008	7.5	1430
990	79105904	Trần Ngọc Thủy Phúc	02/04/2008	7	
991	79062312	Trần Nguyên Phúc	10/06/2008	7.5	1500
992	79062311	Trần Nguyễn Minh Phúc	02/04/2008	7.5	
993	79032935	Trình Quang Phúc	20/12/2007	6	
994	79005988	Viên Bảo Phúc	16/11/2008	7	
995	79005989	Võ Gia Phúc	19/09/2008	6	
996	79088212	Võ Trọng Phúc	09/05/2008	6	
997	79005990	Vũ Trần Trọng Phúc	20/02/2008	7.5	1400
998	48027003	Lê Ngọc Kim Phụng	23/07/2008	6.5	
999	79089615	Nguyễn Trinh Mỹ Phụng	14/03/2008	6.5	
1000	66030581	Đặng Nguyễn Hữu Phước	26/12/2008	6	
1001	79016948	Hồ Thiên Phước	07/02/2008	6.5	
1002	56009360	Lê Cao Trọng Phước	25/03/2008	6	
1003	79050259	Nguyễn Xuân Nhật Phước	02/01/2008	6.5	
1004	48011651	Phạm Trần Anh Phước	07/04/2008	6.5	
1005	79066695	Đinh Nguyễn Nhất Phương	27/02/2008	6	
1006	96000412	Đỗ Nam Phương	07/12/2007	6.5	
1007	79011799	Đỗ Tứ Phương	21/09/2008	6.5	
1008	79105907	Lê Hoàng Phương	17/05/2008	7	
1009	79011801	Lê Mỹ Thanh Phương	06/05/2008	6.5	
1010	79003129	Lê Ngọc Nam Phương	01/01/2008	7.5	1420
1011	79011802	Lê Nguyễn Nhã Phương	30/08/2008	7.5	
1012	79105908	Mai Hoàng Cúc Phương	25/08/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1013	79062314	Ngô Yến Phương	30/01/2008	6	1350
1014	79105909	Nguyễn Bảo Phương	10/06/2008	6.5	
1015	79062315	Nguyễn Hà Thủy Phương	30/04/2008	6.5	
1016	79069880	Nguyễn Hoàng Nam Phương	04/05/2008	7.5	
1017	79059690	Nguyễn Ngọc Nam Phương	24/05/2008	8	1500
1018	79069881	Nguyễn Trúc Phương	12/03/2008	6.5	
1019	79003822	Nguyễn Trương Ánh Phương	23/11/2008	7	
1020	79105913	Phạm Hoàng Phương	09/04/2008	7	
1021	79037191	Phan Mai Phương	06/12/2007	7.5	1470
1022	07932950	Tạ Đoàn Minh Phương	15/03/2007	6.5	1400
1023	79011811	Thân Hà Phương	25/03/2008	6	
1024	79011812	Trần Hà Đông Phương	12/04/2008	6	
1025	66023028	Trần Hoài Bảo Phương	13/10/2008	6	
1026	52000329	Trần Lan Phương	15/04/2008	7	
1027	79011813	Trần Ngọc Thanh Phương	08/04/2008	6	
1028	79016963	Trần Quý Phương	16/12/2008	6	
1029	48017823	Võ Phạm Khả Phương	05/07/2008	6	
1030	79062317	Vũ Nam Phương	30/03/2008	7.5	
1031	48024952	Đặng Trần Anh Quân	25/02/2008	6	
1032	79052598	Đỗ Minh Quân	09/08/2008	7.5	
1033	79062321	Hồ Nguyễn Minh Quân	13/01/2008	7	
1034	79011819	Lê Anh Quân	18/04/2008	7.5	
1035	79109077	Lê Hoàng Quân	06/04/2008	7	
1036	82028069	Lê Hoàng Quân	09/09/2008	6	
1037	79011820	Lê Mỹ Quân	11/09/2008	7	1480
1038	79109079	Lư Nguyễn Anh Quân	10/01/2008	7	
1039	79050278	Nguyễn Anh Quân	05/12/2008	6	
1040	48011669	Nguyễn Hoàng Quân	06/12/2008	6	
1041	79010716	Nguyễn Hoàng Quân	15/04/2008	7	
1042	79059040	Nguyễn Trung Quân	06/06/2008	6	
1043	79006002	Nguyễn Tùng Quân	11/02/2008	7.5	
1044	52000336	Phạm Hoàng Quân	15/02/2008	6	
1045	79105921	Tôn Khải Minh Quân	16/11/2008	7.5	
1046	79062324	Trần Minh Quân	26/02/2008	7	
1047	92022291	Triệu Long Quân	28/04/2008	6	
1048	79011816	Dương Phú Quang	18/10/2008	8	1560
1049	79105917	Huỳnh Phương Quang	18/11/2008	7	1430
1050	79083134	Lê Kim Quang	29/06/2008	6	
1051	79011817	Ngô Nhật Quang	25/10/2008	7.5	1490
1052	66023033	Nguyễn Minh Quang	18/04/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1053	79109076	Nguyễn Trần Minh Quang	18/07/2008	6	
1054	79052597	Trần Đình Quang	08/07/2008	6.5	
1055	79098329	Trần Minh Quang	18/02/2008	7.5	
1056	79052602	Võ Khải Quốc	29/08/2008	7.5	1480
1057	79006004	Đỗ Thành Quý	28/06/2008	7	
1058	79109085	Nguyễn Thanh Quý	02/01/2008	7	
1059	82028074	Lê Bảo Xuân Quyên	09/09/2008	6	
1060	51006758	Nguyễn Lê Nhật Quyên	13/07/2008	6	
1061	79000562	Nguyễn Ngọc Phương Quyên	22/03/2008	6.5	
1062	80018556	Nguyễn Trần Thùy Quyên	20/03/2008	7.5	
1063	66030605	Đặng Thị Nhật Quỳnh	02/02/2008	7	
1064	79011830	Hoàng Ngọc Quỳnh	18/03/2008	7	1350
1065	51006765	Lữ Ngọc Như Quỳnh	23/12/2008	7	
1066	79098341	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	07/05/2008	6	
1067	80018565	Nguyễn Trần Nhã Quỳnh	20/03/2008	8	
1068	79006013	Phạm Ngọc Khánh Quỳnh	30/11/2008	6	
1069	79011833	Phạm Trúc Quỳnh	19/03/2008	8	1470
1070	79003144	Phùng Ngọc Đan Quỳnh	13/06/2008	7.5	
1071	48001080	Thái Bảo Quỳnh	06/10/2008	6	
1072	66023077	Trần Ngọc Quỳnh	25/07/2008	6	
1073	79017015	Trịnh Diễm Quỳnh	01/12/2008	6	
1074	79098349	Võ Như Quỳnh	16/06/2008	6	
1075	79050298	Nguyễn Hà San	08/06/2008	7.5	
1076	79098352	Nguyễn Hải Sang	06/08/2008	6	
1077	79103069	Nguyễn Văn Tấn Sang	25/08/2008	6	
1078	79109098	Trần Quang Sang	18/11/2008		1350
1079	79103077	Nguyễn Hoàng Sơn	28/09/2008	6	
1080	79109102	Nguyễn Huỳnh Thiên Sơn	14/01/2008	7.5	
1081	40003965	Nguyễn Trường Sơn	05/08/2008	6	
1082	48004835	Trần Thế Sơn	27/01/2008	6	
1083	79105931	Lê Thành Tài	03/04/2008	6.5	
1084	48008947	Nguyễn Tấn Tài	30/05/2008	6	
1085	68023816	Nguyễn Thành Tài	01/01/2008	6.5	
1086	01023083	Đào Thanh Tâm	19/10/2008	7	1460
1087	75007127	Dương Thảo Tâm	26/07/2008	7	
1088	79011839	Lê Huỳnh Phúc Tâm	10/11/2008	7.5	
1089	91017161	Nguyễn Lý Đăng Tâm	08/07/2008	6	
1090	68005397	Nguyễn ngọc Diệu Tâm	12/02/2008	6	
1091	79011845	Nguyễn Vũ Minh Tâm	10/08/2008	6	
1092	80018590	Phạm Lê Phương Tâm	22/07/2008	7.5	1390

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1093	79054458	Phạm Nguyễn Thanh Tâm	30/09/2008	7.5	
1094	46003261	Tôn Nữ Minh Tâm	11/11/2008	7	
1095	79011847	Trịnh Minh Tâm	27/12/2008	6.5	
1096	79109114	Bùi Minh Tân	23/10/2008	7	
1097	86011844	Đoàn Minh Tân	10/11/2008	6.5	
1098	66030625	Lê Phúc Tân	12/04/2008	7	1460
1099	79061806	Hoàng Nguyên Thái	01/05/1996	7	
1100	86005474	Lê Minh Thái	04/01/2008	6	
1101	79049314	Nguyễn Lâm Thái	27/10/2008	6.5	
1102	01030640	Nguyễn Phúc Thắng	13/12/2008	7	1480
1103	79011866	Trần Đức Thắng	28/07/2008	6.5	
1104	91016398	Huỳnh Lê Đan Thanh	08/09/2008	6	
1105	79098731	Lê Hoàng Mỹ Thanh	30/03/2008	6.5	
1106	91016402	Nguyễn Đan Thanh	15/12/2008	6.5	
1107	91016406	Phạm Ngọc Băng Thanh	02/03/2008	6	
1108	79126294	Phan Hà Thanh	09/05/2008	7	1500
1109	79001103	Sử Ngọc Thanh	02/09/2008	6	
1110	79006418	Bùi Huỳnh Công Thành	16/04/2008	6.5	
1111	79050312	Huỳnh Công Thành	30/07/2008	6.5	
1112	79011854	Huỳnh Nhật Thành	31/10/2008	6	
1113	79105943	Huỳnh Phú Thành	03/04/2008	7	
1114	79092097	Phạm Trung Thành	04/09/2008	6	
1115	79017066	Đặng Uyên Thảo	31/12/2008	7.5	
1116	80017838	Đào Ngọc Thảo	22/02/2008	6	
1117	68002211	Đinh Thị Mai Thảo	31/01/2008	6.5	
1118	79052620	Đỗ Thanh Thảo	17/01/2008	7	
1119	79109128	Lê Phương Thảo	24/01/2008	7	
1120	79109130	Mã Thị Thanh Thảo	14/10/2008	6	
1121	79033544	Nguyễn Đình Thanh Thảo	28/04/2008	6.5	
1122	52016798	Nguyễn Đỗ Thảo Thảo	19/01/2008	7	
1123	79011859	Nguyễn Thùy Minh Thảo	09/01/2008	6	
1124	86011860	Phan Minh Thảo	01/08/2008	6	
1125	79011861	Thái Ngọc Phương Thảo	08/08/2008	6	
1126	79011864	Trương Lê Diệu Thảo	09/07/2008	7	
1127	79109141	Bùi Nguyễn Anh Thi	28/02/2008	6	
1128	79049918	Huỳnh Hoàng Thi	07/03/2008	7	
1129	79098390	Trương Quang Thi	15/07/2008	6.5	
1130	79021214	Trần Nhật Thiên	04/08/2008	7	
1131	96012467	Lâm Khả Thiện	25/09/2008	7.5	1410
1132	51006812	Ngô Minh Thiện	31/12/2007	6.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1133	79033030	Võ Nam Thiện	30/11/2008	6.5	
1134	79062351	Đỗ Quang Trường Thịnh	21/01/2008	7	
1135	82034845	Ngô Đức Thịnh	12/05/2008	6.5	
1136	79105955	Nguyễn Đỗ Hữu Thịnh	11/01/2008	6	
1137	79043682	Nguyễn Hoàng Thịnh	14/07/2008	6.5	
1138	56009419	Nguyễn Phan Phúc Thịnh	05/11/2008	7	
1139	79006425	Nguyễn Phúc Thịnh	15/06/2008	7	1340
1140	79109147	Nguyễn Quang Thịnh	15/04/2008	7	
1141	79062353	Phan Phú Thịnh	26/07/2008	7	
1142	79062355	Hồ Hoàng Anh Thơ	24/02/2008	6	
1143	82011609	Nguyễn Anh Thơ	12/10/2007	7	
1144	66030660	Trần Lê Uyên Thơ	17/02/2008	6.5	
1145	80005084	Dương Chí Thông	26/02/2008	7.5	
1146	80018632	Hồ Việt Thông	24/11/2008	7	
1147	79062825	Nguyễn Hoàng Bá Thông	19/06/2007	7	1340
1148	79003182	Nguyễn Hữu Thông	29/10/2008	7	
1149	79017121	Triệu Quốc Thống	03/11/2008	6.5	
1150	79088315	Bùi Minh Thư	01/04/2008	6	
1151	79060223	Đào Anh Thư	05/09/2008	6	
1152	79098412	Huỳnh Anh Thư	18/05/2008	7	
1153	79013658	Huỳnh Minh Thư	05/08/2008	6	
1154	79021246	Huỳnh Nguyễn Anh Thư	09/02/2008	6.5	
1155	79052640	Lê Anh Thư	08/09/2008	6.5	
1156	51006851	Lê Âu Anh Thư	18/08/2008	6	
1157	79105964	Lê Hà Anh Thư	19/11/2008	7	
1158	79063311	Lê Minh Thư	19/09/2007	7	1520
1159	79105965	Lê Phúc Minh Thư	16/10/2008	7	
1160	75008598	Lê Uyên Thư	17/04/2008	6.5	
1161	79033569	Lê Viên Hồng Thư	28/02/2008	7	
1162	91033446	Lư Huỳnh Thư	22/11/2008	6.5	
1163	79088320	Ngô Minh Thư	01/01/2008	6	
1164	79105966	Nguyễn Anh Thư	17/08/2008	7	
1165	79126346	Nguyễn Hà Anh Thư	28/09/2008	6	
1166	79105967	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	29/07/2008	6.5	
1167	79013663	Nguyễn Minh Thư	02/10/2008	6	
1168	52000402	Nguyễn Ngô Anh Thư	20/11/2008	6	
1169	79011894	Nguyễn Ngọc Minh Thư	19/11/2008	6.5	
1170	79063317	Nguyễn Ngọc Minh Thư	16/07/2007	7	
1171	79109171	Nguyễn Nhật Song Thư	02/10/2008	6.5	
1172	79017158	Nguyễn Trịnh Anh Thư	23/10/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1173	56008062	Nguyễn Vũ Khánh Thư	09/12/2007	6	
1174	82007973	Phạm Minh Thư	13/12/2008	6.5	
1175	79109173	Phan Hoài Minh Thư	01/12/2008	6.5	
1176	79017163	Trần Hoàng Anh Thư	30/04/2008	6	
1177	79060234	Trần Lê Anh Thư	01/09/2008	7.5	
1178	79011898	Trần Minh Thư	09/02/2008	7.5	
1179	68016583	Trần Nguyễn An Thư	14/05/2008	7	
1180	79062362	Võ Minh Thư	02/01/2008	8	
1181	48022693	Võ Ngọc Anh Thư	21/04/2008	7	
1182	79111828	Võ Ngọc Anh Thư	09/10/2008	6	
1183	79017166	Võ Ngọc Minh Thư	31/10/2008	6	
1184	79011899	Võ Việt Anh Thư	06/12/2008	6	
1185	79088308	Trần Võ Gia Thục	11/03/2008	7	
1186	79047555	Trần Thị Thanh Thương	03/02/2008	6	
1187	79047556	Trần Hồng Hoàng Thương	03/09/2008	6	
1188	79011878	Lê Nguyên Ngọc Thúy	20/08/2008	6	
1189	79017133	Đinh Ngọc Thùy	18/04/2008	6	
1190	79109158	Nguyễn Minh Thùy	16/09/2008	6.5	
1191	56007495	Trần Lê Thùy	15/10/2008	7	
1192	66030670	Trần Nguyễn Phương Thùy	30/09/2008	8	
1193	01023096	Lê Hương Thủy	01/11/2008	6.5	
1194	79003886	Hồ Gia Thụy	02/10/2008	6	
1195	79059752	Chu Nguyễn Bảo Thy	29/04/2008	6	
1196	79105983	Lại Ngọc Mai Thy	21/08/2008	7	
1197	48012004	Nguyễn Bảo Thy	28/11/2008	6.5	
1198	56009445	Nguyễn Đình Minh Thy	30/05/2008	6	
1199	75026173	Nguyễn Hà Bảo Thy	29/10/2008	6	
1200	79006452	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	14/02/2008	6.5	
1201	79050363	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	24/06/2008	6	
1202	79017174	Nguyễn Ngọc Khánh Thy	07/11/2008	6	
1203	91016477	Nguyễn Phúc Anh Thy	17/05/2008	6	
1204	79006454	Phạm Anh Thy	11/02/2008	7	
1205	79011902	Phạm Bảo Nguyên Thy	07/01/2008	7.5	1430
1206	79109181	Phạm Hồ Việt Thy	21/01/2008	7	
1207	79006455	Phạm Phương Thy	28/01/2008	6.5	
1208	79011903	Phan Nguyễn Bảo Thy	05/01/2008	6.5	
1209	79105988	Trần Võ Anh Thy	26/07/2008	7	
1210	79092161	Trương Ngọc Bảo Thy	10/07/2008	6	
1211	79003894	Trương Ngọc Minh Thy	20/05/2008	7	
1212	46003350	Từ Châu Khánh Thy	23/02/2008	7.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1213	79011906	Võ Nguyễn Bảo Thy	15/01/2008	6	
1214	79098429	Đặng Hồng Tiên Tiên	02/01/2008	6	
1215	75043416	Lê Thị Thủy Tiên	27/08/2008	7.5	
1216	79052648	Trương Mỹ Tiên	10/05/2008	6.5	
1217	79105993	Nguyễn Duy Tiến	15/08/2008	6.5	
1218	79131129	Nguyễn Việt Tiến	17/01/2008	7.5	
1219	79011920	Nguyễn tấn Toàn	03/11/2008	6	
1220	79062848	Phạm Khánh Toàn	30/08/2008	7.5	
1221	66003435	Lương Hồng Thanh Trà	05/12/2008	7.5	1440
1222	79006462	Nguyễn Nhật Hương Trà	19/11/2008	6.5	
1223	79006463	Sơn Trà	16/10/2008	6	
1224	51006900	Bùi Bích Trâm	06/09/2008	7	
1225	82013585	Bùi Phạm Ngọc Trâm	08/04/2008	6	
1226	79011927	Đoàn Ngọc Quỳnh Trâm	22/04/2008	6.5	
1227	48012041	Đoàn Thị Ngọc Trâm	09/04/2008	6	
1228	79059764	Huỳnh Đăng Ngọc Trâm	14/03/2008	6.5	
1229	79055899	Lê Ngọc Trâm	19/09/2008	6	
1230	79017215	Nguyễn Kiều Bảo Trâm	19/01/2008	6.5	
1231	79037725	Nguyễn Lê Huỳnh Trâm	18/11/2007	6	
1232	79109244	Nguyễn Phan Mỹ Trâm	06/08/2008	6	
1233	79011932	Nguyễn Quỳnh Bảo Trâm	14/04/2008	7.5	1410
1234	79123778	Phạm Nguyễn Ngọc Trâm	18/10/2008	6.5	
1235	51006909	Tạ Lê Bảo Trâm	06/05/2008	6	
1236	79014329	Trần Ngọc Trâm	21/09/2008	6.5	
1237	86024561	Trần Ngọc Trâm	23/09/2008	6	
1238	79003904	Trần Ngọc bảo Trâm	08/03/2008	6	
1239	79109256	Trương Bảo Trâm	09/02/2008	6	
1240	79011935	Trương Lê Thảo Trâm	25/01/2008	7	
1241	48004441	Võ Lê Bảo Trâm	20/10/2008	7.5	
1242	82028193	Châu Minh Trâm	01/08/2008	6	
1243	79050394	Đặng Nguyễn Bảo Trâm	17/11/2008	7.5	
1244	79106008	Huỳnh Nam Trâm	13/01/2008	6.5	
1245	79006477	Lâm Tú Trâm	07/11/2008	6.5	
1246	80005149	Lê Bảo Trâm	25/03/2008	6	
1247	79011937	Nguyễn Bảo Trâm	19/09/2008	6.5	1390
1248	79003908	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	22/09/2008	6.5	
1249	79006482	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	12/01/2008	7.5	
1250	79109262	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	17/05/2008	7	
1251	79017230	Nguyễn Ngọc Hoàng Trâm	06/01/2008	6	
1252	75000621	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	26/05/2008	6.5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1253	79052667	Nguyễn Trần Huyền Trân	16/06/2008	6	
1254	79098444	Phạm Nguyễn Bảo Trân	22/10/2008	6	
1255	79010861	Tăng Thế Bảo Trân	30/04/2008	7	
1256	79052668	Thân Nguyễn Bảo Trân	26/04/2008	6	
1257	82031240	Tô Ngọc Trân	07/04/2008	6	
1258	48012057	Trần Bảo Trân	23/03/2008	7.5	
1259	66018403	Trần Huyền Trân	05/01/2008	6	
1260	79011357	Trần Ngọc Mai Trân	30/03/2008	7	
1261	52000437	Trần Nguyễn Quế Trân	23/02/2008	6	
1262	51006914	Trương Nguyễn Bảo Trân	18/11/2008	7	
1263	79017202	Đinh Ngọc Trang	18/04/2008	6	
1264	75001590	Đinh Trần Phương Trang	14/08/2008	6	
1265	79084880	Đỗ Ngọc Yến Trang	04/08/2008	6	
1266	79049936	Lê Ngọc Thùy Trang	19/09/2008	6	
1267	79003900	Mã Thị Huyền Trang	28/09/2008	6.5	
1268	79003901	Nguyễn Hà Trang	18/08/2008	7.5	1550
1269	48004436	Nguyễn Lê Khánh Trang	27/06/2008	7.5	1340
1270	48004437	Nguyễn Lê Thảo Trang	27/06/2008	7.5	1440
1271	79069972	Nguyễn Ngọc Phương Trang	01/01/2008	6.5	
1272	79062849	Nguyễn Thị Hương Trang	23/04/2008	6	
1273	48012036	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	09/01/2008	6.5	
1274	79017211	Vũ Yến Trang	20/12/2008	7.5	
1275	52013121	Huỳnh Võ Viễn Trí	28/10/2008	7.5	
1276	79014339	Bùi Ngọc Đức Trí	28/07/2008	6	
1277	79052673	Nguyễn Thành Trí	10/01/2008	7	
1278	51006917	Nguyễn Trần Phùng Trí	13/09/2008	7	
1279	86011926	Phan Hữu Trí	19/06/2008	7	
1280	79011954	Trương Quang Minh Trí	02/01/2008	6.5	
1281	79003230	Hồ Ngọc Triển	09/01/2008	7	
1282	48012065	Đỗ Minh Triết	19/10/2008	6	
1283	79011956	Lương Tuệ Triết	19/10/2008	6.5	
1284	79106017	Trịnh Minh Triết	01/03/2008	6	
1285	79134236	Võ Đình Minh Triết	07/11/2008	6	
1286	79003914	Vũ Gia Triết	28/05/2008	6	1410
1287	01036649	Đỗ Hà Trinh	13/12/2008	6	
1288	79052676	Đoàn Ngọc Trinh	29/08/2008	6	
1289	79052678	Phan Kiều Trinh	08/09/2008	6	
1290	66030726	Huỳnh Thái Trịnh	18/08/2008	6	
1291	48004445	Lê Minh Trọng	26/05/2008	6.5	1400
1292	01030670	Lục Hoàng Minh Trọng	23/02/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1293	79023654	Bùi Thanh Trúc	31/07/2008	7	
1294	79131678	Hoàng Thị Thanh Trúc	14/10/2008	6	
1295	79050412	Lâm Nhã Trúc	04/09/2008	6.5	
1296	79052680	Nguyễn Phương Trúc	22/11/2008	6	
1297	79011963	Nguyễn Thanh Trúc	14/04/2008	7	
1298	79050414	Phạm Ngọc Thanh Trúc	07/12/2008	7	
1299	79126409	Phạm Thanh Trúc	30/01/2008	7	
1300	91000808	Trương Lê Ngọc Trúc	16/07/2008	7	1380
1301	79133379	Võ Lê Thanh Trúc	10/07/2008	6	
1302	79059163	Đặng Ngọc Thiên Trung	27/09/2008	6.5	
1303	79114776	Võ Minh Trung	23/01/2008	6.5	
1304	79006504	Lê Hoàng Minh Trường	25/08/2008	7.5	1380
1305	79011969	Lê Vũ Xuân Trường	29/03/2008	7	1530
1306	01013258	Nguyễn Khánh Trường	13/10/2008	6.5	
1307	40029919	Trần Tử Trường	22/01/2007	6.5	
1308	79011970	Đỗ Hoàng Tuấn Tú	08/05/2008	7.5	1430
1309	79052683	Lê Hoàng Tú	22/04/2008	7	
1310	56008873	Lưu Anh Tú	12/10/2008	7.5	
1311	79059790	Nguyễn Lương Anh Tú	01/01/2008	6.5	
1312	79106024	Nguyễn Thái Minh Tú	02/06/2008	7	
1313	79003921	Đỗ Minh Tuấn	10/06/2008	7	
1314	79011975	Lê Vũ Trọng Tuấn	21/03/2008	6.5	
1315	79052689	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	13/11/2008	6	
1316	75007240	Nguyễn Hoàng Đức Tuấn	20/06/2008	6.5	
1317	79011977	Nguyễn Minh Tuấn	01/03/2008	8	
1318	79106031	Phạm Anh Tuấn	22/04/2008	7	
1319	79062870	Phạm Đức Tuấn	25/02/2008	6	
1320	92013659	Phan Anh Tuấn	09/03/2008	6.5	
1321	79109295	Phan Lê Tuấn	28/06/2008	8	
1322	79003922	Phan Minh Tuấn	04/02/2008	7.5	1400
1323	79127271	Vũ Đình Minh Tuấn	28/10/2008	6	
1324	68018065	Nguyễn Đặng Gia Tuệ	29/02/2008	7.5	
1325	48030570	Nguyễn Trần Gia Tuệ	14/09/2008	6	
1326	91016555	Phạm Gia Tuệ	04/01/2008	6.5	
1327	92009468	Phan Đình Tuệ	01/12/2008	6	
1328	25035885	Phan Trọng Tuệ	23/06/2007	7.5	
1329	48012088	Trần Anh Tuệ	20/08/2008	6.5	
1330	79062874	Dương Gia Bảo Tùng	05/04/2008	6	
1331	79052651	Nguyễn Anh Minh Tùng	03/03/2008	6.5	
1332	79131179	Nguyễn Xuân Tùng	17/08/2007	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1333	79000691	Trần Minh Tùng	21/10/2004		1430
1334	82009191	Võ Thanh Tùng	03/07/2008	7	
1335	79011393	Chung Vĩ Tường	24/10/2008	6.5	
1336	82035029	Đặng Thái Tường	17/04/2008	6.5	
1337	79021315	Dương Thế Tường	20/03/2008	7	
1338	79126430	Võ Bùi Cát Tường	21/12/2008	7.5	1580
1339	79133398	Nguyễn Ngọc Tỷ	05/03/2008	7.5	
1340	82028241	Bùi Thị Thảo Uyên	27/09/2008	6	
1341	79055939	Đỗ Xuân Uyên	20/06/2008	6	
1342	79106036	Lâm Nhã Uyên	03/01/2008	7.5	
1343	79098478	Nguyễn Huỳnh Minh Uyên	06/09/2008	6.5	
1344	79006518	Nguyễn Huỳnh Thanh Uyên	15/03/2008	7.5	1400
1345	79088388	Nguyễn Lê Bảo Uyên	20/02/2008	6	
1346	79017309	Nguyễn Ngọc Thanh Uyên	02/06/2008	7.5	
1347	79011988	Nguyễn Phạm Minh Uyên	12/01/2008	7	
1348	79011989	Nguyễn Phan Tường Uyên	02/04/2008	8	1500
1349	79003928	Phạm Châu Minh Uyên	03/03/2008	7	1450
1350	79006525	Phạm Hoàng Phương Uyên	05/02/2008	6	
1351	79011990	Phạm Minh Uyên	28/11/2008	8	1560
1352	52024234	Phan Phương Uyên	27/10/2008	6	
1353	79006527	Tăng Gia Uyên	18/04/2008	6	
1354	79070021	Trần Phương Uyên	21/08/2008	6	
1355	79011992	Trương Nhã Uyên	21/02/2008	7.5	
1356	79021322	Võ Dương Phương Uyên	12/01/2008	6	
1357	79106047	Huỳnh Khánh Vân	12/10/2008	6	
1358	79017319	Lê Thị Kim Vân	17/01/2008	6	
1359	56008151	Lê Trần Khánh Vân	18/09/2008	6	
1360	79006534	Nguyễn Mạnh Tường Vân	15/01/2008	7	
1361	79101403	Nguyễn Nguyễn Thanh Vân	21/07/2008	6.5	
1362	79088400	Trương Thanh Vân	21/05/2008	7	
1363	79062885	Vũ Thanh Vân	29/12/2008	6.5	
1364	79003929	Hoàng Trọng Văn	01/08/2008	6.5	
1365	66030749	Đặng Nguyễn Hà Vi	12/03/2008	6	
1366	86022997	Hồ Thị Thảo Vi	01/04/2008	6	
1367	07911996	Nguyễn Bạch Khánh Vi	02/12/2008	6	
1368	79070028	Nguyễn Ngọc Tường Vi	12/05/2008	6	
1369	79128053	Tô Nguyễn Tường Vi	11/07/2008	6	
1370	92012409	Mai Ngô Quốc Việt	03/09/2008	7.5	
1371	79003933	Nguyễn Việt	29/06/2008	7	1360
1372	79069459	Nguyễn Lê Hoài Việt	05/06/2008	6	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1373	79062888	Phan Quốc Việt	23/05/2008	7.5	
1374	01031434	Trần Hoàng Việt	13/02/2008	6	
1375	79011998	Võ Hồng Việt	22/12/2008	8	
1376	79003934	Võ Hùng Việt	10/04/2008	6.5	
1377	82032463	Đỗ Thành Vinh	28/07/2008	6.5	
1378	79003936	Lê Võ Phú Vinh	20/10/2008	6	1370
1379	79037313	Nguyễn Công Vinh	23/03/2007	7	
1380	79106050	Nguyễn Công Vinh	08/04/2008	6.5	
1381	79014385	Nguyễn Tuấn Vinh	24/10/2008	6	
1382	79055953	Lê Hoàng Cát Vĩnh	24/07/2008	6	
1383	79062893	Xà Diệp Anh Vũ	31/01/2008	7	
1384	79025088	Cang Tiểu Vy	30/08/2008	6	
1385	92022434	Cao Nguyễn Khánh Vy	19/03/2008	7	
1386	79033683	Chung Trần Phương Vy	14/10/2008	6.5	
1387	79109319	Đặng Phương Vy	28/10/2008	6	
1388	79106057	Huỳnh Nguyễn Gia Vy	13/08/2008	7	
1389	79003939	Huỳnh Quang Kim Vy	22/11/2008	6.5	1410
1390	79062896	Nguyễn Đặng Trúc Vy	12/05/2008	6.5	
1391	51001303	Nguyễn Hạ Vy	07/06/2008	6	
1392	79003940	Nguyễn Hà Phương Vy	31/10/2008	7.5	
1393	75011287	Nguyễn Huyền Khánh Vy	14/03/2008	6	
1394	79003941	Nguyễn Khánh Vy	03/11/2008	7	
1395	79070041	Nguyễn Kiều Vy	17/09/2008	6	
1396	82028263	Nguyễn Ngọc Phương Vy	07/10/2008	6	
1397	96012578	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	29/10/2008	6	
1398	56019245	Nguyễn Nhật Vy	08/11/2008	7	
1399	79006552	Nguyễn Phạm Nhật Vy	02/12/2008	6.5	
1400	79070045	Nguyễn Phạm Tường Vy	24/11/2008	6	
1401	79106069	Phạm Lê Vy	15/09/2008	7.5	
1402	79007621	Phạm Ngọc Uyên Vy	18/11/2008	6	
1403	79088430	Phạm Nguyễn Phương Vy	02/01/2008	6	
1404	79101432	Phan Nguyễn Tường Vy	13/07/2008	6	
1405	79098527	Phan Thảo Vy	20/12/2008	6.5	
1406	79106072	Trần Khánh Vy	15/12/2008	6	
1407	79006557	Trần Ngọc Lan Vy	30/05/2008	8.5	
1408	79034098	Trần Nguyễn Phương Vy	27/03/2008	6.5	
1409	79109334	Trần Thảo Vy	06/02/2008	6	
1410	79106077	Trương Thụy Khánh Vy	13/12/2008	7.5	
1411	79106080	Vương Yến Vy	30/04/2008	6.5	
1412	66031564	Huỳnh Duyên Xuân	24/01/2008	7	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1413	79017364	Phạm Bùi Tâm Y	05/01/2008	7	
1414	79109338	Nguyễn Thị Như Ý	12/12/2008	7	
1415	79050467	Trần Ngọc Như Ý	07/11/2008	6.5	
1416	79109339	Trần Ngọc Như Ý	01/11/2008	6	
1417	79106092	Võ Trần Như Ý	27/07/2008	6	
1418	79012020	Bùi Bảo Yên	17/12/2008	6	
1419	48011743	Đặng Hải Yên	21/01/2007	7	
1420	79070062	Nguyễn Hải Yên	24/10/2008	6.5	
1421	79003950	Nguyễn Võ Hải Yên	16/12/2008	6	
1422	79062901	Trần Thị Kim Yên	21/01/2008	6.5	

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH